

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 06 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 200/QĐ-ĐHCNQN ngày 30/5/2022 về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Điều 3. Trưởng, phụ trách các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Công thông tin điện tử của Trường;
- Lưu: VT, ĐT (02).



TS. Hoàng Hùng Thắng

QUY ĐỊNH

Điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 185/QĐ-ĐHCNQN ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về xây dựng, thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ bao gồm: nguyên tắc, điều kiện, hồ sơ, trình tự xây dựng, thẩm định, tạm dừng, chấm dứt việc tuyển sinh của ngành đào tạo, trách nhiệm của các bên liên quan, kiểm tra, xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với các Khoa, Bộ môn thuộc Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Trường ĐHCNQN) được Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị đào tạo (ĐVĐT) bao gồm các Khoa, Bộ môn, Trung tâm có đào tạo trực thuộc Giám hiệu thuộc Trường ĐHCNQN.

2. Lãnh đạo đơn vị đào tạo bao gồm Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn trực thuộc Giám hiệu thuộc Trường ĐHCNQN (gọi chung là Trưởng đơn vị đào tạo).

3. Ngành đào tạo thí điểm là ngành chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Điều 3. Mục tiêu của Quy định

1. Bảo đảm thực hiện mở ngành đào tạo theo định hướng, chủ trương chung của Trường ĐHCNQN về phát triển ngành đào tạo và bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển chung của Trường ĐHCNQN và các ĐVĐT.

2. Hướng dẫn thống nhất công tác xây dựng, thẩm định đề án mở ngành đào tạo tại Trường ĐHCNQN.

3. Là cơ sở pháp lý cho việc kiểm tra, giám sát, đánh giá về mở ngành đào tạo tại ĐVĐT.

Điều 4. Điều kiện chung

Việc mở ngành của Trường ĐHCNQN phải đáp ứng các điều kiện chung và điều kiện cụ thể tương ứng với việc mở ngành của từng trình độ đào tạo theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định khác có liên quan.

1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế. Phù hợp với chiến lược phát triển ngành đào tạo, sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ của ĐVĐT và gắn với việc thực hiện kế hoạch chiến lược đào tạo của ĐVĐT và Trường ĐHCNQN;

b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; không nằm trong danh mục các ngành có cảnh báo nguy cơ dư thừa nguồn nhân lực hoặc đã có chủ trương tạm dừng mở ngành đào tạo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, của Trường ĐHCNQN (nếu có);

c) Trường hợp ngành đào tạo chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, ĐVĐT căn cứ vào Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, danh mục giáo dục đào tạo hiện hành trên thế giới và kinh nghiệm thực tiễn đào tạo của một số nước trên thế giới và kết quả phát triển chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng kiểm định chương trình tại ít nhất hai cơ sở đào tạo trong nước, đề xuất bổ sung mã ngành đào tạo thí điểm vào Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học trước khi xây dựng đề án mở ngành. Việc đề xuất bổ sung ngành mới vào Danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Về đội ngũ giảng viên

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo (CTĐT) của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT;

b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học), thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và đáp ứng các quy định sau: giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có

thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT;

c) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (*theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học*), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

3. Về cơ sở vật chất

a) Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

d) Thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.

4. Chương trình đào tạo phải bảo đảm:

a) Xây dựng chặt chẽ, khoa học, bảo đảm tính hệ thống, liên thông giữa các chương trình, ngành và bậc đào tạo, đồng thời bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Các bước xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT bao gồm cả chương trình dạy học phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và quy định

của Trường ĐHCNQN;

c) Xây dựng chương trình theo hướng tham khảo, tiếp cận và sử dụng các CTĐT của các trường đại học tiên tiến;

d) Thể hiện tính thực tiễn, hiệu quả của chương trình thông qua việc gắn kết, hợp tác hoạt động đào tạo của chương trình với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau khi tốt nghiệp;

e) Đáp ứng chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Có đơn vị chuyên môn cấp Khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo.

Điều 5. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

Việc mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHCNQN phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (*trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu*), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (*tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này*), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (*theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học*) phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp.

3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (*quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4*) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp

đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

4. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và bảo đảm các điều kiện cụ thể về giảng viên đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Bảng 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 4) phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của CTĐT, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 4) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

6. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và phải bảo đảm các điều kiện cụ thể về phòng thí nghiệm, thực hành đối với từng ngành đào tạo (Bảng 2, Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy định này). Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (trường) pháp luật.

Điều 6. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHCNQN phải đáp ứng các điều kiện chung tác để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó

có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (*không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác*), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

5. ĐVĐT không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (*số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn*); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ của đơn vị đào tạo; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ Giáo dục và Đào tạo xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

Điều 7. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Việc mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHCNQN phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (*các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu*), trong đó có 01 giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (*không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác*), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để giảng dạy các nội dung trong CTĐT, trong đó phải có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

5. Trường hợp ĐVĐT không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (*số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn*); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ của đơn vị đào tạo; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ Giáo dục và Đào tạo xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

Điều 8. Điều kiện mở ngành đào tạo thí điểm

Việc mở ngành đào tạo thí điểm phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

1. Thực hiện theo Điều 6 của Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

2. Bảo đảm các điều kiện về mở ngành đào tạo tại Điều 4 và các điều kiện cụ thể đối với từng trình độ đào tạo được quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Quy định này.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 9. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo được xây dựng thống nhất theo trình tự về xây dựng, thẩm định đề án mở ngành đào tạo được quy định tại bước 1 Phụ lục số 1 của Quy định này.

2. Căn cứ vào kế hoạch mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã được Hội đồng trường Trường ĐHCNQN phê duyệt và căn cứ vào nhu cầu xã hội để phát triển ngành đào tạo, Trường ĐVĐT có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và chuẩn bị các nội dung liên quan đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo trình độ Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN xem xét trước khi Hiệu trưởng trình cho Hội đồng trường Trường ĐHCNQN phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.

3. Trên cơ sở năng lực của ĐVĐT, Trường ĐVĐT chỉ đạo đơn vị chuyên môn phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo. Nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành được trình bày theo các biểu mẫu được quy định tại Phụ lục 3 của Quy định này, gồm có:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: Báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của ĐVĐT và Trường ĐHCNQN, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của ĐVĐT và Trường ĐHCNQN, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

b) Về năng lực đào tạo: Báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của ĐVĐT đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, CTĐT, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: Báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện CTĐT, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội.

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: Báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định CTĐT.

e) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: Báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

4. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN tổ chức thẩm định chủ trương mở ngành đào tạo, có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 3 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Cụ thể:

a) Chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất chủ trương mở ngành của ĐVĐT, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN tổ chức họp thẩm định sau khi có ý kiến đánh giá, thẩm định của các đơn vị chức năng về nội dung được đề cập ở khoản 3 Điều 9 của Quy định này.

b) Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo được thông qua phải thể hiện bằng văn bản.

5. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

Trên cơ sở đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN tổ chức thẩm định và có kết luận theo quy định tại khoản 4 Điều này Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN báo cáo trình Hội đồng trường Trường ĐHCNQN phê duyệt. Hội đồng trường Trường ĐHCNQN chịu trách nhiệm về các nội dung:

a) Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của Trường ĐHCNQN, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế.

b) Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả.

c) Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Điều 10. Điều kiện thành lập các Hội đồng

1. Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo: có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm đại diện thành viên tham gia xây dựng CTĐT, Phòng Đào tạo/Phòng sau đại học, Phòng TT&ĐBCL, chuyên viên, giảng viên của ĐVĐT.

2. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là số lẻ từ 5 đến 9 thành viên bao gồm đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT; chuyên gia phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo. Tiêu chuẩn của thành viên hội đồng xây dựng CTĐT được quy định như sau:

a) Thành viên tham gia xây dựng CTĐT trình độ thạc sĩ có học hàm, học vị từ giáo sư/phó giáo sư hoặc tiến sĩ ngành phù hợp, trừ người sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan có trình độ từ thạc sĩ;

b) Thành viên tham gia xây dựng CTĐT trình độ đại học, cần bảo đảm có ít nhất 01 giảng viên cơ hữu ngành phù hợp, chủ trì ngành đào tạo có trình độ từ tiến sĩ, các thành viên còn lại yêu cầu trình độ từ thạc sĩ, trừ người sử dụng lao động có trình độ từ đại học hoặc có 05 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT.

3. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo: Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định là số lẻ, có ít nhất 5 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 Ủy viên phản biện thuộc 02 cơ sở đào tạo khác nhau và ít nhất 01 Ủy viên là đại diện cho đơn vị sử dụng lao động. Tiêu chuẩn Hội đồng thẩm định CTĐT: Chủ tịch Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học); giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ sau đại học), các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng,

phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học có trình độ từ thạc sĩ, trừ người sử dụng lao động có trình độ từ đại học hoặc có 05 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học).

4. Hội đồng thẩm định đề án mở ngành: có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên. Trong đó, Chủ tịch là Ủy viên Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN; các thành viên khác được Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ định.

5. Thành viên Hội đồng thẩm định không là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT

6. Nhiệm vụ cụ thể và quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 11. Trình tự xây dựng đề án mở ngành

1. Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu xã hội về ngành đào tạo để xác định sự cần thiết mở ngành đào tạo. Báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

2. Xây dựng chương trình đào tạo

a) Tổ chức xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình theo kiến thức, kỹ năng, năng lực đáp ứng mục tiêu đào tạo của chương trình. Xây dựng ma trận giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình;

b) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức của CTĐT, xây dựng CTĐT bảo đảm mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Đối chiếu, so sánh với CTĐT của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để hoàn thiện CTĐT;

d) Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra của học phần theo chuẩn đầu ra của CTĐT. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra của học phần và mục tiêu CTĐT;

e) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định;

f) Tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà quản lý, các đơn vị tuyển dụng, giảng viên, người học đã tốt nghiệp và người học tiềm năng (nếu có) về CTĐT;

g) Hoàn thiện CTĐT, bao gồm cả chương trình dạy học theo các góp ý.

3. Thẩm định chương trình đào tạo

a) Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

b) Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua CTĐT và nêu lý do không thông qua;

c) Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định CTĐT, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN, Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN ký quyết

định ban hành và áp dụng CTĐT.

4. Kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng ngành đào tạo

a) Kiểm tra điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

- Trường ĐVĐT căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên và điều kiện thực tế của Trường ĐHCNQN và ĐVĐT, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định và pháp luật hiện hành;

- Trường ĐVĐT xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho khoa, bộ môn, cá nhân của đơn vị và xây dựng dự thảo kế hoạch trình Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN phê duyệt về tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của CTĐT, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết thực hiện trong đề án mở ngành đào tạo.

b) Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

- Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN căn cứ các quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong mở ngành đào tạo và điều kiện thực tế của Trường ĐHCNQN, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định và pháp luật hiện hành;

- Trường ĐVĐT xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho bộ môn, cá nhân của đơn vị và triển khai thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và phải được cam kết trong đề án mở ngành đào tạo, trình Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN phê duyệt.

c) Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

- Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở;

- Trường ĐVĐT phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

d) Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

- Trường ĐVĐT báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những

biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

- Trường ĐVĐT báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên và các bên liên quan.

5. Hoàn thiện đề án mở ngành đào tạo.

6. Các minh chứng kèm theo đề án

a) Nghị quyết của Hội đồng trường Trường ĐHCNQN phê duyệt đề án mở ngành đào tạo;

b) Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng thẩm định đề án và Biên bản thẩm định, thông qua đề án mở ngành của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN;

c) Hồ sơ phê duyệt chủ trương mở ngành (*Báo cáo khảo sát chuyên gia, Tờ trình; Nghị quyết của Hội đồng trường Trường ĐHCNQN phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo*)

d) Báo cáo khảo sát nhu cầu xã hội đối với ngành đào tạo dự kiến mở

e) Hồ sơ liên quan đến xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT

+ Quyết định thành lập hội đồng xây dựng đề án mở ngành và CTĐT;

+ Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT;

+ Biên bản thẩm định CTĐT của hội đồng thẩm định;

+ Quyết định ban hành CTĐT;

+ Chương trình đào tạo đã được phê duyệt;

+ Bản mô tả Chương trình đào tạo và Chương trình dạy học.

f) Biên bản thẩm định điều kiện bảo đảm chất lượng;

g) Minh chứng đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo (*Mẫu 1 đến Mẫu 5 của Phụ lục 4, đính kèm bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp; minh chứng về đề tài nghiên cứu khoa học và công trình khoa học công bố của giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm mở ngành đào tạo*);

h) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo (*Mẫu 6, 7 và 8 của Phụ lục 4*);

i) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (*đối với đề án mở ngành*

thuộc lĩnh vực sức khỏe).

j) Phiếu tự đánh giá hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo (Mẫu 9 của Phụ lục 4)

7. Các biểu mẫu sử dụng để xây dựng đề án mở ngành được quy định tại Phụ lục 5 của Quy định này.

Điều 12. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề án mở ngành đào tạo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo.

2. Trình tự thẩm định đề án mở ngành

Trên cơ sở căn cứ các quy định của Trường ĐHCNQN và các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN tiến hành thẩm định đề án mở ngành qua 2 bước:

a) Hội đồng thẩm định đề án mở ngành (được thành lập theo Khoản 4, Điều 10 của Quy định này) thẩm định các điều kiện của đề án mở ngành đào tạo về: Tên ngành đào tạo; Nhu cầu kinh tế, xã hội của ngành đào tạo; Chương trình đào tạo; Kế hoạch chuẩn hóa chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo; Khả năng sẵn sàng chuyên sang dạy – học trực tuyến; Công tác tổ chức quản lý đối với ngành đề xuất mở. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng thẩm định phải kiểm tra điều kiện thực tế và kiểm tra các minh chứng cụ thể trước khi kết luận, đồng thời báo cáo Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN.

b) Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng thẩm định phải được thể hiện bằng biên bản thẩm định và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Trên cơ sở các kết luận của Hội đồng thẩm định, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN có kết luận cụ thể về việc ĐVĐT đã có đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo và thể hiện bằng biên bản. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN báo cáo Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định.

Điều 13. Hồ sơ mở ngành đào tạo

Hồ sơ mở ngành đào tạo gồm có:

1. Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đề án mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo Điều 12 Quy định này, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Điều 11 Quy định này.

Điều 14. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN gửi 01 bộ hồ sơ mở ngành đề nghị Hội đồng trường Trường ĐHCNQN quyết định cho phép mở ngành đào tạo (trừ các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên);

2. Hội đồng trường Trường ĐHCNQN tiếp nhận và thẩm định hồ sơ mở ngành đào tạo.

a) Hội đồng trường Trường ĐHCNQN căn cứ tờ trình của Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN và nội dung thẩm định hồ sơ, ra nghị quyết về việc mở ngành (*trừ các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên, lĩnh vực An ninh, quốc phòng*) đối với các ngành, các trình độ đào tạo khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được mở ngành theo Quy định này và các quy định của pháp luật.

b) Nếu hồ sơ mở ngành chưa đầy đủ và đáp ứng các điều kiện theo quy định, Hội đồng trường Trường ĐHCNQN thông báo kết quả bằng văn bản về tình trạng hồ sơ và những nội dung chưa bảo đảm theo quy định mở ngành đào tạo. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐHCNQN quyết định việc tổ chức đoàn kiểm tra thực tế các điều kiện bảo đảm chất lượng tại ĐVĐT.

3. Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN trên cơ sở nghị quyết phê duyệt đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng trường Trường ĐHCNQN ban hành quyết định mở ngành đào tạo tương ứng.

4. Riêng đối với mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên, Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN gửi 01 bộ hồ sơ mở ngành đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hình thức gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 15. Thủ tục mở ngành thí điểm

1. Đơn vị đào tạo có nhu cầu mở ngành thí điểm xây dựng tờ trình đề xuất ngành đào tạo thí điểm để Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN trình Hội đồng trường Trường ĐHCNQN cho ý kiến trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN.

2. Phòng Đào tạo (hoặc Phòng Sau đại học nếu có) phối hợp với đơn vị đào tạo chuẩn bị hồ sơ để Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN trình Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung ngành thí điểm theo quy định.

3. Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố danh mục bổ sung ngành đào tạo mới, thủ tục mở ngành được thực hiện như thủ tục mở ngành đào tạo được quy định từ Điều 9 đến Điều 13 của Quy định này.

Điều 16. Đình chỉ hoạt động, tạm dừng và chấm dứt việc tuyển sinh của ngành đào tạo

1. Việc đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo và xử lý hậu quả được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN quyết định việc tạm dừng, chấm dứt tuyển sinh một ngành đào tạo khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 11 của Quy định này;

b) Ngành đào tạo không tuyển sinh hoặc không thể tuyển sinh đủ số lượng sinh viên để mở lớp theo quy định của Trường ĐHCNQN trong 03 (ba) năm liên tiếp (*đối với trình độ đại học*) và 05 (năm) năm (*đối với trình độ thạc sĩ, tiến sĩ*);

c) Do yêu cầu phát triển của Trường ĐHCNQN.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN, của đơn vị đào tạo và các đơn vị có liên quan

1. Quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN

a) Chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định đề án mở ngành đào tạo tại các ĐVĐT và báo cáo Hội đồng trường Trường ĐHCNQN;

b) Chịu trách nhiệm về các điều kiện bảo đảm chất lượng cho hoạt động đào tạo của Trường ĐHCNQN;

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm nội bộ theo quy định của pháp luật và chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng trường Trường ĐHCNQN và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về đề án mở ngành đào tạo;

d) Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về mở ngành đào tạo sau khi có quyết định mở ngành đào tạo.

2. Quyền hạn, trách nhiệm của đơn vị đào tạo

a) Bảo đảm tính trung thực, chính xác của đề án mở ngành đào tạo và xây dựng đề án mở ngành đào tạo theo Quy định này;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, minh chứng khi đoàn kiểm tra hoặc Hội đồng thẩm định yêu cầu;

c) Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện nghiêm túc việc thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo tại Trường ĐHCNQN theo Quy định này;

d) Phối hợp với các đơn vị chức năng thông báo CTĐT, kế hoạch đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN;

e) Thực hiện trách nhiệm trong việc đánh giá chất lượng và kiểm định CTĐT theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học.

f) Đối với ngành đào tạo đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp (*đối với đào tạo trình độ đại học*) và 05 năm liên tiếp (*đối với đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ*) Trường ĐHCNQN không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được thì quyết định mở ngành đối với ngành này hết hiệu lực. Nếu muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, ĐVĐT phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Quyền hạn, trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

a) Phòng Đào tạo tham mưu, phối hợp với các ĐVĐT rà soát, tư vấn các điều kiện mở ngành theo trình độ quản lý. Phối hợp với các ĐVĐT chuẩn bị các hồ sơ có liên quan trình lên Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường ĐHCNQN. Phối hợp với các

ĐVĐT triển khai hoạt động đào tạo đối với ngành được phê duyệt mở mới. Chịu trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến việc tự chủ mở ngành đào tạo của Trường ĐHCNQN để Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

b) Phòng Tổ chức cán bộ rà soát và xác nhận thông tin giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành đào tạo dự kiến mở.

c) Phòng Quản trị dịch vụ công rà soát và xác nhận thông tin về cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ thực hiện CTĐT thuộc ngành đào tạo dự kiến mở.

d) Trung tâm tuyển sinh – Thông tin và truyền thông rà soát và xác nhận thông tin về điều kiện học liệu, giáo trình, sách tham khảo, tạp chí sử dụng cho giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành đào tạo dự kiến mở.

e) Phòng KHCN&HTQT rà soát và xác nhận thông tin đề tài nghiên cứu khoa học do Trường ĐHCNQN chủ trì, giảng viên cơ hữu chủ trì và tham gia giảng dạy ngành đào tạo dự kiến mở thực hiện.

f) Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng tham mưu và giúp Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN trong việc thực hiện đánh giá chất lượng và kiểm định CTĐT theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học và công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Luật Giáo dục đại học; quy định tại Điều 19 Chương IV Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; kiểm tra và xác nhận thông tin về kết quả kiểm định/đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT các trình độ đại học và thạc sĩ – là ngành phù hợp trình độ thấp hơn đối với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ dự kiến mở.

Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo và công tác bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành. Bảo đảm tuân thủ sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

4. Các đơn vị đào tạo, các đơn vị chức năng thuộc Trường ĐHCNQN, các cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đúng cam kết theo đề án mở ngành đào tạo.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, đơn vị, cá nhân vi phạm pháp luật về mở ngành đào tạo, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường ĐVĐT và những người trực tiếp vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về xây dựng, thẩm định mở ngành đào tạo;

b) Không lưu trữ các văn bản, tài liệu minh chứng cho việc triển khai thực hiện mở ngành đào tạo tại ĐVĐT theo Quy định này.

Điều 19. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo theo quy định, Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN thực hiện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ các ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định):

a) Quyết định mở ngành đào tạo;

b) Đề án mở ngành đào tạo;

c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, Trường ĐHCNQN phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo việc cơ sở đào tạo đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện CTĐT đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành của cơ sở đào tạo, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 5, Điều 5 của Quy định này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm (trừ trường hợp mở ngành ở trình độ đại học đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên và lĩnh vực Pháp luật hoặc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ).

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN thực hiện báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo về quyết định mở ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) của Trường ĐHCNQN theo quy định.

4. Đơn vị đào tạo và Phòng Đào tạo có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường ĐHCNQN chỉ đạo và tổ chức công khai trên trang thông tin điện tử và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học các nội dung sau:

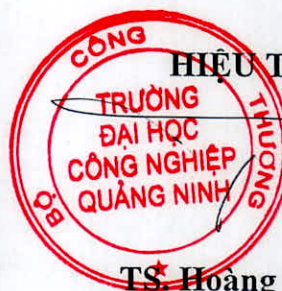
- Quyết định mở ngành đào tạo;

- Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương CTĐT; danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập.

- Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của Trường ĐHCNQN vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Trường các đơn vị trong toàn trường có trách nhiệm phổ biến quy định này đến tất cả các cán bộ, giảng viên để chủ động tổ chức triển khai thực hiện.
2. Tất cả các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện công tác mở ngành phải tuân thủ thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo các nội dung của Quy định này.
3. Quy định này được áp dụng thống nhất trong Trường ĐHCNQN. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc đề xuất bổ sung, các đơn vị phản ánh về Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.



TS. Hoàng Hùng Thắng

CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

TT	Nội dung	Chi tiết công việc	Chịu trách nhiệm		Biểu mẫu
			Thực hiện	Phối hợp	
1*	Xây dựng, đề xuất, thẩm định và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát chuyên gia về ngành dự kiến mở mới - Xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành. - Thẩm định đề xuất - Trình HĐT phê duyệt đề xuất - Nghị quyết phê duyệt chủ trương mở ngành (có năm thực hiện) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị đào tạo - HĐ KH&ĐT - HĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - PĐT, P TT&ĐBCL - Đơn vị liên quan 	Theo phần nội dung chi tiết
2	Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch xây dựng đề án mở ngành đào tạo. - Thành lập các Hội đồng xây dựng đề án mở ngành, Hội đồng xây dựng CTĐT. - Điều tra, khảo sát nhu cầu xã hội về ngành đào tạo - Xây dựng CTĐT - Thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT - Thẩm định, ban hành CTĐT - Dự thảo đề án mở ngành và điều kiện đảm bảo chất lượng ngành kèm theo các minh chứng. - Thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị đào tạo - Hội đồng xây dựng CTĐT - Hội đồng thẩm định CTĐT - Hội đồng xây dựng đề án mở ngành - HĐ KH&ĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - PĐT - Đơn vị liên quan 	Theo phần nội dung chi tiết
3	Thẩm định đề án mở ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định đề án, kiểm tra các minh chứng về điều kiện BĐCL ngành. - Biên bản thẩm định đề án của Hội đồng thẩm định và HĐKH&ĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng xây dựng đề án - Hội đồng thẩm định đề án mở ngành - HĐ KH&ĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - PĐT - Đơn vị liên quan 	Theo phần nội dung chi tiết

4	Hoàn thiện hồ sơ mở ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Đề án mở ngành đã thẩm định - Văn bản đề xuất mở ngành - Công văn của Trường ĐHCNQN về mặt chủ trương (Đối với ngành đào tạo GV/ sức khỏe) - Trình HĐT và Hiệu trưởng (tự chủ)/ Trình BGDĐT (Đối với ngành đào tạo GV/ sức khỏe) 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng xây dựng đề án - HĐ KH&ĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - PĐT - Đơn vị liên quan 	Theo phần nội dung chi tiết
5	Phê duyệt đề án và Quyết định mở ngành đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - HĐT và Hiệu trưởng (tự chủ)/ BGDĐT (Đối với ngành đào tạo GV/ sức khỏe) phê duyệt. - Quyết định mở ngành. - Đăng thông tin trên Website Trường ĐHCNQN. 	<ul style="list-style-type: none"> - HĐT - Hiệu trưởng - PĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị liên quan 	Theo phần nội dung chi tiết
6	Báo cáo, lưu trữ	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi hồ sơ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bổ sung, phản hồi theo ý kiến từ Bộ GDĐT - Lưu trữ hồ sơ mở ngành theo quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - PĐT - ĐVĐT - HĐ xây dựng đề án 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị liên quan 	
7	Tuyển sinh và đào tạo	Lập kế hoạch tuyển sinh và đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - TT TS_TT&TT; PĐT - ĐVĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị liên quan 	

**Đối với ngành đào tạo thí điểm:*

Cần thực hiện các thủ tục xin bổ sung ngành đào tạo thí điểm theo Điều 15 của Quy định này, đáp ứng theo Điều 6 của Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Nội dung chi tiết

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Mẫu biểu	Sản phẩm
Bước 1. Xây dựng, đề xuất, thẩm định và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo					
1.1	- Khảo sát, phân tích và báo cáo nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực (số lượng, trình độ) Theo khoản a, mục 2, điều 7 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT/ khoản a, mục 3, điều 9 Quy định mở ngành đào tạo của Trường ĐHCNQN.	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành	- Phòng Đào tạo - Phòng TT&ĐBCL	Mẫu 01 - Phụ lục 3 (Phiếu khảo sát chuyên gia về ngành dự kiến mở) Mẫu 02 – Phụ lục 3 (Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo liên quan đến ngành cần mở)	- Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo liên quan đến ngành cần mở.
1.2	- Xây dựng phiếu tự đánh giá năng lực của cơ sở đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, CTĐT, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế. - Văn bản đề nghị mở ngành của đơn vị đề xuất mở ngành	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành	- Phòng ĐT - Phòng TCCB - Phòng HCTH - Phòng QTDVC - Phòng TCKT - P. KHCN&QHQT	Mẫu 03 – Phụ lục 3 (Phiếu tự đánh giá đề xuất chủ trương mở ngành của đơn vị đào tạo)	- Phiếu tự đánh giá đề xuất chủ trương mở ngành của đơn vị đào tạo
1.3	Xây dựng tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành Chú trọng mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở; kế hoạch mở ngành (thời gian triển khai, quy mô dự kiến...); giải pháp, lộ trình thực hiện (dự báo rủi ro, biện pháp khắc phục rủi ro và khắc phục trường hợp bị đình chỉ đào tạo)	- Phòng Đào tạo	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - Phòng TCCB	Mẫu 04 – Phụ lục 3 (Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành)	- Tờ trình đề nghị chủ trương mở ngành
1.4	Thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành	- HĐ KH&ĐT cấp trường	- Các đơn vị liên quan	Mẫu 05 – Phụ lục 3 (Xác nhận của đơn vị liên quan về các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành dự kiến mở) Mẫu 06 – Phụ lục 3 (Biên	- Xác nhận của đơn vị liên quan về các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo dự kiến mở - Biên bản thẩm định và kết luận về đề xuất chủ trương mở

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Mẫu biểu	Sản phẩm
				bản họp Hội đồng KH&ĐT trường)	ngành đào tạo của HĐ KH&ĐT
1.5	Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của Hội đồng trường	- Hội đồng trường	- Phòng Đào tạo - Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành	Mẫu 07 – Phụ lục 3 (Biên bản họp Hội đồng trường)	Biên bản họp Hội đồng trường Nghị quyết của Hội đồng trường về chủ trương mở ngành mà đơn vị đào tạo đề xuất
Bước 2. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo					
2.1	Xây dựng kế hoạch xây dựng đề án mở ngành	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành			Kế hoạch xây dựng đề án mở ngành
2.2	Thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành, Hội đồng xây dựng CTĐT	- Phòng Đào tạo - Hiệu trưởng	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - P TCCB	- Mẫu 01 – Phụ lục 5 - Mẫu 2a – Phụ lục 5 - Mẫu 2b – Phụ lục 5	- Công văn đề xuất - Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề án - Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT
2.3	Điều tra, khảo sát nhu cầu xã hội về ngành đào tạo	- HĐ xây dựng CTĐT	- Các bên liên quan.	- Mẫu 5a, 5b/5c/5d, 5e - Phụ lục 5	- Các phiếu khảo sát - Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu xã hội về ngành đào tạo dự kiến mở
2.4	Xây dựng, thẩm định CTĐT			Các biểu mẫu trong quy định về xây dựng CTĐT	
2.4.1	Xác định ít nhất 1 CTĐT đã được kiểm định để đối sánh, khuyến khích đối sánh thêm ít nhất 1 CTĐT nước ngoài	- HĐ xây dựng CTĐT	- Phòng Đào tạo - Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành		- Các CTĐT được chọn đối sánh - Thông tin về đường link dẫn đến CTĐT, bảng xếp hạng CTĐT/ kết quả kiểm định CTĐT trong nước
2.4.2	Dự thảo CTĐT lần 1 (Do Hiệu trưởng quy định, theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT; Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT; Khung trình độ quốc gia Việt Nam quy định tại QĐ số 1982/QĐ-TTg, 18/10/2016 kèm theo các văn bản hướng dẫn triển khai)	- HĐ xây dựng CTĐT	- Phòng Đào tạo - Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành		- Dự thảo CTĐT lần 1 - Biên bản họp xây dựng CTĐT - Bảng đối sánh CTĐT dự kiến và CTĐT trong nước/ quốc tế

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Mẫu biểu	Sản phẩm
2.4.3	Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT dự thảo	- HĐ xây dựng CTĐT	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - P TT&ĐBCL tư vấn - Các đơn vị liên quan		- Biên bản lấy ý kiến các bên liên quan
2.4.4	Hoàn thiện CTĐT sau khi lấy ý kiến các bên liên quan	- HĐ xây dựng CTĐT	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - Phòng Đào tạo		- Dự thảo CTĐT lần 2 - Báo cáo điều chỉnh CTĐT dựa trên ý kiến các bên liên quan
2.4.5	Thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT (Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT)	- Phòng Đào tạo - Hiệu trưởng	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - P TCCB	- Mẫu 3a – Phụ lục 5 - Mẫu 3b – Phụ lục 5	- Công văn đề xuất - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT
2.4.6	Thẩm định CTĐT (HĐ xây dựng CTĐT chuẩn bị 05 bộ CTĐT dự thảo lần 2, có kèm biên bản họp các bên liên quan, giải trình điều chỉnh)	- HĐ thẩm định CTĐT	- HĐ xây dựng CTĐT - Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - Phòng Đào tạo		- Hồ sơ thẩm định CTĐT (Biên bản họp, BB kiểm phiếu, các phiếu nhận xét, đánh giá) - CTĐT điều chỉnh theo ý kiến của HĐ thẩm định - Bản giải trình điều chỉnh CTĐT
2.4.7	Ban hành CTĐT	- HĐ KH&ĐT - PĐT - Trưởng khoa quản lý ngành đào tạo - Hiệu trưởng			- Biên bản của HĐ KH&ĐT - Quyết định ban hành CTĐT
2.5	Xác định các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo dự kiến mở mới - CTĐT ngành ở trình độ thấp hơn đã được đánh giá ngoài - Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo: Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý, phương án, phương pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro (Chú ý đội ngũ giảng viên cơ hữu mở ngành, hướng dẫn	- HĐ xây dựng đề án mở ngành.	- Các đơn vị có liên quan		- Minh chứng kết quả đánh giá ngoài (đối với đào tạo sau đại học) - Hoàn thiện báo cáo theo phụ lục 4 (điều chỉnh, bổ sung từ báo cáo ở bước 1.2) - Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo.

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Mẫu biểu	Sản phẩm
	luận văn, đề án/luận án đối với trình độ ThS, TS) (Mục 2.4 và 2.5 được thực hiện đồng thời)				
2.6	Xây dựng dự thảo đề án	HĐ xây dựng đề án mở ngành.	- Các đơn vị trong toàn trường	Mẫu 06 - Phụ lục 5	- Dự thảo đề án và phụ lục minh chứng (Trình tự theo Mẫu 06- Phụ lục 5)
Bước 3. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo					
3.1	Kiểm tra dự thảo đề án và các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo dự kiến mở mới	Phòng Đào tạo	- Các đơn vị trong toàn trường		- Đề án trình HĐ KH&ĐT
3.2	Thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành	- PĐT - HĐ KH&ĐT - PTCCB - Hiệu trưởng		- Mẫu 4a – Phụ lục 5 - Mẫu 4b – Phụ lục 5	- Công văn đề xuất - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án
3.3	Thẩm định đề án	- HĐ thẩm định đề án mở ngành.	- HĐ xây dựng đề án mở ngành. - Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - Phòng Đào tạo	Mẫu 07 – Biên bản kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng (của hội đồng thẩm định) Mẫu 08 – Biên bản thẩm định đề án mở ngành (Của hội đồng thẩm định)	- Biên bản kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng của hội đồng thẩm định - Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng thẩm định.
3.4	Thẩm định và kết luận của Hội đồng khoa học và đào tạo	- HĐ thẩm định đề án mở ngành. - HĐ KH&ĐT	- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành - Phòng Đào tạo	Mẫu 09 – Biên bản thẩm định đề án mở ngành (Của HĐ KH&ĐT trường)	Biên bản thẩm định và kết luận về đề án mở ngành của HĐ KH&ĐT
Bước 4. Hoàn thiện hồ sơ mở ngành đào tạo					
	- In 05 Bộ hồ sơ: 01 bộ gửi Bộ GDĐT, 01 bộ gửi Bộ Công Thương; 01 bộ gửi HĐT, 01 bộ gửi PĐT; 01 bộ lưu Khoa phụ trách ngành dự kiến mở. - Trình hồ sơ lên HĐT và Hiệu trưởng (tự chủ) - Trình Bộ GDĐT (đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe)	- HĐ xây dựng đề án mở ngành. - Khoa đào tạo - Phòng Đào tạo - Hiệu trưởng			- Hồ sơ mở ngành

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Mẫu biểu	Sản phẩm
Bước 5. Phê duyệt đề án và Quyết định mở ngành					
5.1	Phê duyệt đề án và ban hành Quyết định	- Phòng Đào tạo - Hội đồng trường - Hiệu trưởng			- Nghị quyết phê duyệt đề án của HĐT (tự chủ) - Quyết định mở ngành đào tạo của Hiệu trưởng (tự chủ) - Quyết định cho phép mở ngành đào tạo của Bộ GDĐT (ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, đào tạo giáo viên)
5.2	Đăng tải thông tin lên Website của Trường: Quyết định ban hành, nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo. Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của Trường vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.	- Trung tâm tuyển sinh – thông tin và truyền thông - Đơn vị đào tạo - Phòng Đào tạo			Đường link công khai đề án sau 5 ngày từ khi ban hành Quyết định.
Bước 6. Báo cáo và lưu trữ					
6.1	Báo cáo Bộ GDĐT: Quyết định mở ngành đào tạo; Đề án mở ngành đào tạo; Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo (01 bộ)	- Phòng Đào tạo	- Đơn vị đào tạo		Hồ sơ báo cáo Bộ GDĐT sau 10 ngày ban hành quyết định mở ngành
6.2	Hồ sơ mở ngành lưu trữ tại đơn vị đào tạo và PĐT	- Đơn vị đào tạo - Phòng Đào tạo			Hồ sơ mở ngành
Bước 7. Tuyển sinh và đào tạo					
	Sau 15 ngày, nếu Bộ GDĐT không có phản hồi hoặc phản hồi đồng ý, Trường sẽ đưa ngành mới vào danh mục tuyển sinh đợt gần nhất.	- Trung tâm tuyển sinh – thông tin và truyền thông - Đơn vị đào tạo - Phòng Đào tạo			Thông tin tuyển sinh

**PHỤ LỤC 2: GIẢNG VIÊN VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH PHỤC VỤ ĐÀO TẠO
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHỎE**

Bảng 1. Số lượng và chuyên môn được đào tạo của giảng viên trình độ tiến sĩ đối với từng ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe

STT	Tên ngành/ chuyên ngành đào tạo của giảng viên trình độ tiến sĩ	Ngành đào tạo dự kiến mở				
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng hàm mặt	Y học dự phòng	Dược học
		Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ
1	Khoa học y sinh	2	2	2	2	1
2	Ngoại khoa	2	1	1	1	-
3	Nội khoa	2	1	1	1	1
4	Nhi khoa	1	1	1	1	-
5	Y học dự phòng/Y tế công cộng	1	1	1	6	-
6	Sản phụ khoa	1	1	-	1	-
7	Chuyên khoa nội (trừ ngành Nội khoa và Nhi khoa)	3	-	-	-	-
8	Chuyên khoa ngoại (trừ Ngoại khoa và Sản phụ khoa)	3	-	-	-	-
9	Y học cổ truyền	-	5	-	-	-
10	Răng Hàm Mặt	-	-	6	-	-
11	Ngành thuộc các môn cơ sở ngành Dược	-	-	-	-	2
12	Ngành thuộc nhóm ngành Dược học	-	-	-	-	7

Bảng 2. Các phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo đối với từng ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở						
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học
1	Sinh học và di truyền y học	X	X	X	X	X	X	-
2	Lý sinh	X	X	X	X	X	X	-
3	Sinh lý	X	X	X	X	X	X	-
4	Hóa học	X	X	X	X	X	X	-
5	Hóa sinh	X	X	X	X	X	X	X
6	Giải phẫu	X	X	X	X	X	X	-
7	Vi sinh - Ký sinh trùng	X	X	X	X	X	X	X
8	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	X	X	X	X	X	X	X
9	Dược lý	X	X	X	X	X	X	X
10	Điều dưỡng cơ bản	X	X	X	X	X	X	-
11	Giải phẫu bệnh	X	X	X	X	X	-	-
12	Mô phôi	X	X	X	X	-	-	-
13	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	X	-	X	X	-	-	-
14	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	X	-	-	X	X	X	-
15	Thực vật dược	-	X	-	-	-	-	X
16	Dinh dưỡng tiết chế	-	-	-	-	X	X	-
17	Y học cổ truyền	-	-	-	-	X	X	-
18	Hộ sinh cơ bản	-	-	-	-	X	-	-
19	Hóa đại cương vô cơ	-	-	-	-	-	-	X
20	Hóa hữu cơ	-	-	-	-	-	-	X
21	Hóa phân tích	-	-	-	-	-	-	X
22	Giải phẫu - Sinh lý	-	-	-	-	-	-	X
23	Sinh học	-	-	-	-	-	-	X
24	Vật lý	-	-	-	-	-	-	X
25	Dược liệu	-	-	-	-	-	-	X
26	Hóa Dược	-	-	-	-	-	-	X
27	Dược học cổ truyền	-	-	-	-	-	-	X

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở						
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học
28	Bào chế	-	-	-	-	-	-	X
29	Dược lâm sàng	-	-	-	-	-	-	X
30	Công nghiệp dược	-	-	-	-	-	-	X
31	Kiểm nghiệm thuốc	-	-	-	-	-	-	X
32	Chiết suất vi sinh	-	-	-	-	-	-	X
33	Nhà thuốc	-	-	-	-	-	-	X
34	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về: hệ nội, hệ ngoại, phụ-sản, nhi, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng)	X			X			
35	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về: hệ nội, hệ ngoại, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng, châm cứu, xoa bóp-dưỡng sinh)		X					
36	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về: chữa răng và nội nha, phục hình, chỉnh nha, nha nhu, phẫu thuật trong miệng và phẫu thuật hàm mặt, Labo răng giả)			X				
37	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về: chăm sóc sức khỏe bệnh nội khoa, chăm sóc sức khỏe ngoại khoa, chăm sóc sức khỏe phụ nữ-bà mẹ và gia đình, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng)					X		
38	Trung tâm tiên lâm sàng/Trung tâm thực hành kỹ năng Sản-Phụ khoa-Kế hoạch hóa gia đình (các phòng thực hành về: chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén-chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ; chăm sóc bà mẹ thời kỳ chuyển dạ và đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh, chăm sóc sức khỏe phụ nữ và kế hoạch hóa gia đình)						X	

PHỤ LỤC 3: BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH

Mẫu 01: Phiếu khảo sát Chuyên gia về ngành dự kiến mở

(Đây là mẫu phiếu gợi ý các nội dung chính; đơn vị đào tạo điều chỉnh, bổ sung theo ngành, lĩnh vực đào tạo. Đơn vị đề xuất mở ngành sử dụng thêm mẫu phiếu 5a-Phụ lục 5 để khảo sát)

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN CHUYÊN GIA VỀ NHU CẦU NHÂN LỰC ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO..... (Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)

Kính gửi Quý Chuyên gia tư vấn
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo
trình độ trong thời gian sắp tới.
Nhà trường kính mong Quý Chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm và hiểu biết về lĩnh vực...
..... dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu nhân lực đối với ngành
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Chuyên gia tư vấn sẽ giúp Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh có căn cứ để đề xuất mở ngành đào tạo này.

Phần I. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:
- Độ tuổi 30 – 40 40 - 50 trên 50
- Giới tính Nam Nữ
- Chức vụ
- Cơ quan công tác
- Địa chỉ cơ quan
- Số điện thoại liên hệ
- Địa chỉ thư điện tử
- Chuyên môn
- Kinh nghiệm, lĩnh vực công tác
1. Quản lý < 5 năm > 5 năm > 10 năm Khác.....
2. Nghiên cứu < 5 năm > 5 năm > 10 năm Khác.....
3. Giáo dục < 5 năm > 5 năm > 10 năm Khác.....
4. Tư vấn < 5 năm > 5 năm > 10 năm Khác.....

Phần II. Lấy ý kiến về ngành đào tạo

1. Mức độ cần thiết của ngành đào tạo (Ông/Bà vui lòng đánh dấu x vào ô được lựa chọn)

Rất không cần thiết

Không cần thiết

Phân vân

Cần thiết

Rất cần thiết

2. Theo Ông/Bà, nhu cầu tuyển dụng đối với người tốt nghiệp từ ngành đào tạo này sẽ tăng hoặc giảm hoặc không thay đổi trong tương lai?

Trả lời		Giải thích (nếu cần)
Tăng	<input type="checkbox"/>	
Giảm	<input type="checkbox"/>	
Không đổi	<input type="checkbox"/>	

3. Cơ quan của Ông/Bà đang làm việc cần khoảng bao nhiêu vị trí việc làm liên quan đến ngành mà Nhà trường dự định mở?

Hiện tại, đơn vị cần khoảng Vị trí việc làm liên quan đến ngành

4. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo cần có những năng lực gì? (Đánh dấu x vào mức lựa chọn)

Các mức lựa chọn gồm:

1: Rất không cần thiết; 2: Không cần thiết; 3: Bình thường; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết.

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Tính sáng tạo trong công việc					
2	Tư duy phản biện					
3	Năng lực ngoại ngữ					
4	Năng lực công nghệ thông tin					
5	Năng lực kỹ thuật số					
6	Mức độ tự chủ trong công việc					
7	Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp					
8	Kỹ năng giao tiếp (với đồng nghiệp, khách hàng)					
9	Kỹ năng làm việc nhóm					
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
11	Kỹ năng quản lý chất lượng công việc					
12	Tinh thần kỷ luật trong công việc					
13	Tinh thần cầu thị, học hỏi trong công việc					
14	Ý thức phát triển bền vững					
15	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội					
16	Sự cam kết đồng hành đối với Cơ quan/doanh nghiệp					

5. Ông/Bà có những yêu cầu đặc biệt nào đối với người học tốt nghiệp từ ngành này?

.....

6. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo này cần lưu ý thêm các điều gì khi xin ứng tuyển vào các vị trí việc làm tại các cơ quan/doanh nghiệp?

.....

Xin cảm ơn Ông/Bà đã dành thời gian tư vấn.

Ngày cho ý kiến:

Họ tên, chữ ký người cho ý kiến

Mẫu 02. Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo liên quan đến ngành cần mở

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU ĐÀO TẠO
LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH**

1. Tổng số phiếu khảo sát thu thập được:....., trong đó:

Số chuyên gia:.....

Kinh nghiệm công tác	Quản lý	Nghiên cứu	Giáo dục	Tư vấn
Số lượng				
Tỉ lệ (%)				

Số doanh nghiệp/Nhà sử dụng lao động:.....

Kinh nghiệm công tác	Quản lý	Nghiên cứu	Tư vấn
Số lượng			
Tỉ lệ (%)			

2. Mức độ cần thiết, nhu cầu tuyển dụng của ngành đào tạo:.....

Mức độ	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Phân vân	Cần thiết	Rất cần thiết
Tỉ lệ %					

Nhu cầu tuyển dụng	Tăng	Giảm	Không đổi
Tỉ lệ			

3. Số vị trí việc làm liên quan đến ngành

STT	Tên đơn vị/Cơ quan	Tên người thực hiện khảo sát	Số vị trí việc làm liên quan đến ngành.....	Ghi chú
1				
2				
...				
Tổng				

4. Mức độ về năng lực của người học

1: Rất không cần thiết; 2: Không cần thiết; 3: Bình thường; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết.

TT	Nội dung	Tỉ lệ mức độ cần thiết %				
		1	2	3	4	5
1	Tính sáng tạo trong công việc					
2	Tư duy phân biện					
3	Năng lực ngoại ngữ					

4	Năng lực công nghệ thông tin					
5	Năng lực kỹ thuật số					
6	Mức độ tự chủ trong công việc					
7	Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp					
8	Kỹ năng giao tiếp (với đồng nghiệp, khách hàng)					
9	Kỹ năng làm việc nhóm					
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
11	Kỹ năng quản lý chất lượng công việc					
12	Tinh thần kỷ luật trong công việc					
13	Tinh thần cầu thị, học hỏi trong công việc					
14	Ý thức phát triển bền vững					
15	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội					
16	Sự cam kết đồng hành đối với Cơ quan/doanh nghiệp					

4. Tổng hợp những yêu cầu đặc biệt đối với người học tốt nghiệp từ ngành.....

TT	Tên người/đơn vị thực hiện khảo sát	Ý kiến góp ý

5. Người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo cần lưu ý các điều sau khi xin ứng tuyển vào các vị trí việc làm tại các cơ quan/doanh nghiệp:

TT	Tên người/đơn vị thực hiện khảo sát	Ý kiến góp ý

6. Kết luận:

.....

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Hội đồng KH&ĐT
- PĐT; P TT&ĐBCL.
- Lưu Khoa, VT.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Mẫu 03. Phiếu tự đánh giá đề xuất chủ trương mở ngành của đơn vị đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐỀ ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG MỞ
NGÀNH ĐÀO TẠO**

Nhóm ngành:

Lĩnh vực:

Tên ngành đào tạo: Mã ngành: *(ghi mã ngành cấp IV)*

Chuyên ngành: *(Nếu không có thì bỏ dòng này)*

Trình độ: *Tiến sĩ/Thạc sĩ/Đại học*

Đơn vị đề xuất mở ngành:

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
1 1.1	Về ngành đào tạo Phù hợp với quy hoạch về đào tạo, kế hoạch phát triển ngành đào tạo, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ của ĐVĐT và gắn với việc thực hiện kế hoạch chiến lược đào tạo của ĐVĐT và Trường ĐHCNQ.	<ul style="list-style-type: none">- Nhu cầu mở ngành trình độ <i>tiến sĩ/thạc sĩ/đại học</i> tên ngành đã được khảo sát với kết quả ủng hộ của .../... nhà tuyển dụng tỷ lệ(%); các yêu cầu thực tế của nhà tuyển dụng về nhu cầu năng lực người học được thể hiện trong báo cáo tóm tắt (<i>đính kèm: báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát chuyên gia, nhà tuyển dụng dựa trên kết quả khảo sát ở Mẫu 1</i>)- Phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo: ghi cụ thể các thị trường nhân lực cần đối với ngành dự kiến mở (<i>Có thể có khảo sát thêm nhu cầu người học tiềm năng</i>).- Kế hoạch phát triển của ngành- Kế hoạch chiến lược đào tạo (<i>dựa trên chiến lược của Trường đã ban hành</i>)	
1.2	Ngành phải thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành.	<ul style="list-style-type: none">- Đã có mã ngành: (<i>ghi mã ngành cấp IV</i>) quy định trong Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022- <i>Nếu mở ngành thạc sĩ, cần ghi thêm ngành trình độ đại học đã mở, mã ngành, năm bắt đầu đào tạo.</i>- <i>Nếu mở ngành tiến sĩ, cần ghi thêm ngành trình độ đại học và thạc sĩ đã mở, mã ngành, năm bắt đầu đào tạo.</i>	
1.3	Xu hướng phát triển ngành đào tạo ở Việt Nam và trên thế giới dựa trên có ít nhất 01	CTĐT của Trường đã tham khảo CTĐT của 2 ĐH đã được kiểm định:	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	CTĐT tham khảo của trường đại học đã được kiểm định ở Việt Nam, khuyến khích tham khảo ít nhất 1 CTĐT ở nước ngoài;	<ul style="list-style-type: none"> - Trường thứ nhất: Tên trường (<i>Quốc gia</i>): đường link chi tiết đến CTĐT của ngành; có thể bổ sung xếp hạng nếu có. - Trường thứ 2:..... 	
1.4	Ngành đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ là ngành đúng hoặc ngành phù hợp (nếu không có ngành đúng) là điều kiện đầu vào của ngành đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ đã được đào tạo hình thức chính quy tại cơ sở đào tạo và có sinh viên/học viên đã tốt nghiệp	<p><i>Chỉ sử dụng đối với đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ. Trình độ đại học bỏ mục này.</i></p> <p>Các nội dung cần thể hiện - Phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành đào tạo trình độ ThS/Đại học là ngành đúng/<i>ngành phù hợp</i>; mã ngành (<i>ghi mã ngành cấp IV của ngành trình độ ThS/TS</i>; đã có quyết định mở ngành theo (<i>số quyết định, ngày ký</i>); CTĐT đã tuyển sinh và đào tạo (<i>số lượng</i>) khóa; thông tin tốt nghiệp của HV cao học/đại học đều được đăng tải công khai trên (ghi đường link đăng tải) - CTĐT bậc Thạc sĩ/Đại học có kế hoạch kiểm định (<i>ghi rõ thời gian dự kiến, số quyết định ban hành kế hoạch, ngày ban hành</i>) hoặc đã nhận được chứng nhận kiểm định chất lượng (<i>số quyết định, ngày ban hành, hiệu lực đến ngày</i>) 	
2	Đội ngũ giảng viên:		
2.1	<p>Giảng viên cơ hữu đúng tên ngành đào tạo</p> <p>+ Trình độ đại học: Theo khoản 1, 2 điều 5 Quyết định mở ngành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (<i>khoản 1,2 điều 4 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT</i>)</p> <p>+ Trình độ thạc sĩ: Theo khoản 1 điều 6 (<i>khoản 1 điều 5 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT</i>)</p> <p>+ Trình độ tiến sĩ: Theo khoản 1 điều 7 (<i>khoản 1 điều 6 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT</i>)</p>	Nêu rõ số lượng giảng viên cơ hữu dự kiến (hay kế hoạch đào tạo/tuyển mới để có đủ giảng viên cơ hữu theo kế hoạch mở ngành.	
2.2	<p>Đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT:</p> <p>a) Đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT (<i>bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng</i>), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn CTĐT của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (<i>tính theo từng năm học</i>) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần</p>	Chỉ ghi ước tính số lượng giảng viên; kế hoạch thỉnh giảng (<i>nếu có</i>)	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	trong CTĐT		
	<p>b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), có thể điều chỉnh theo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT; - Riêng ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT 	<p><i>Với các ngành đào tạo không thuộc nhóm này thì bỏ trống.</i> <i>Chú ý với các ngành Ngôn ngữ, Văn học Việt Nam và Thể dục Thể thao.</i></p>	
	<p>c) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành</p>	<p><i>Chỉ trình bày đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe.</i> <i>Chi tiết theo phụ lục 2.</i> <i>Ghi “Không thuộc nhóm ngành sức khỏe” với các ngành còn lại.</i></p>	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	trong đào tạo khối ngành sức khỏe.		
3	Cơ sở vật chất:		
	a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT	<p>- Thông tin về cơ sở vật chất của Trường (theo mẫu 6 & 7, Phụ lục 4 và dựa theo số liệu thống kê hàng quý) hoặc báo cáo thường niên; cần ghi rõ thời gian cập nhật thông tin), thể hiện rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các khu chính của trường và diện tích + Giảng đường, hội trường, phòng học + Số phòng học đa phương tiện + Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian + Thư viện và Trung tâm học liệu + Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập 	
	b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học;	Cần ghi rõ thông tin về cơ sở vật chất đặc thù đối với ngành đào tạo dự kiến mở (Mẫu 8, Phụ lục 4)	
	c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;	<p>Trường Đại học CNQN trang bị đầy đủ phòng thí nghiệm, thực tập, thực hành thí nghiệm cho người học.</p> <p>Đối với các học phần thực tập ngoài trường, thực tập rèn nghề cần chú ý minh chứng các ký kết, thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp ngoài trường</p>	
	d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa	<p>Cung cấp thông tin về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số thư viện điện tử ở nước ngoài được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo - Tổng số thư viện điện tử ở trong 	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc cơ sở đào tạo phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;	<p>nước được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo</p> <p>- Tổng số đầu sách tham khảo phục vụ ngành đào tạo:</p> <p>Trong đó: Bản cứng Bản điện tử Bản cứng và điện tử</p> <p>Số tạp chí phục vụ ngành đào tạo:</p> <p>Trong đó Bản cứng Bản điện tử Bản cứng và điện tử</p> <p><i>(Đơn vị đào tạo liên hệ Trung tâm học liệu cung cấp thông tin; thể hiện cơ sở đào tạo có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo)</i></p> <p>Tạp chí khoa học Trường Đại học CNQN. Năm bắt đầu: (theo Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa Thông tin cấp, số ngày); hình thức:</p>	
	d) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.	Website của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (www.qui.edu.vn) được cập nhật thường xuyên và đăng tải công khai theo quy định (Công khai theo thông tư 36, Tuyển dụng, tra cứu văn bằng, Quy trình công tác, báo cáo thường niên; Đề án mở ngành)	
4	Có kết quả hợp tác với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ (trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật)	Thông tin hợp tác, các đề tài HTQT của đơn vị đào tạo	
5	Đã đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục hoặc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành và theo kế hoạch kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	<p>- Trường đã được đánh giá ngoài theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt chuẩn năm 2023. Quyết định số 599/QĐ-KĐCLV ngày 27/02/2023; vào sổ đăng ký số 161/GCN-CSGDĐH</p> <p>- Ghi bổ sung thông tin đánh giá ngoài cho chu kỳ 5 năm tiếp theo.</p> <p>- Ghi kế hoạch/thời gian dự kiến kiểm định chất lượng CTĐT bậc thấp hơn khi mở ngành sau đại học</p> <p>- Ghi kế hoạch/thời gian dự kiến mở ngành.</p>	
6	Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ; đã ban hành	- Đơn vị quản lý chuyên trách quản lý đào tạo trình độ đại học là Phòng Đào tạo.	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	quy định đào tạo trình độ tương ứng của cơ sở đào tạo;	- Thông tin ban hành quy định đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ: cần ghi rõ số quyết định, ngày ký, đường link dẫn đến quy định đào tạo của Trường.	
7	Nguồn lực con người khác và tài chính	Khẳng định về nguồn lực con người để quản lý, giảng dạy (dựa theo báo cáo công khai) Về tài chính, thu từ nguồn học phí theo quy định và chia sẻ nguồn lực tài chính chung của trường bảo đảm quá trình đào tạo.	

Kết luận của đơn vị đào tạo:

Đề xuất Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đồng ý chủ trương mở ngành đào tạo trình độngành(mã ngành:) và đưa vào Nghị quyết của Hội đồng Trường.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Hội đồng KH&ĐT
- PĐT; P TT&ĐBCL.
- Lưu Khoa, VT.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Mẫu 04a. Đề xuất chủ trương mở ngành của đơn vị đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

ĐỀ XUẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: TÊN NGÀNH (Mã ngành: 7 số theo TT 09/2022)

Chuyên ngành: (nếu có)

Kính gửi: - Hiệu trưởng
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quy định mở ngành đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Xét về năng lực đào tạo của đơn vị và Trường, Khoa..... đề xuất mở ngành đào tạo, cụ thể như sau:

1. Thông tin ngành đăng ký đào tạo

- Ngành đào tạo:
- Mã ngành:
- Hệ đào tạo:
- Trình độ đào tạo:
- Tổ hợp xét tuyển: *(Ghi các ngành phù hợp không bỏ sung/bổ sung kiến thức đối với trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ)*
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: tín chỉ
- Thời gian đào tạo: năm/tháng (tối đa là ... năm/tháng) *(chú ý đối với trình độ Thạc sĩ, hệ vừa học vừa làm có thời gian đào tạo là 29 tháng; thời gian đào tạo tối đa 58 tháng)*
- Danh hiệu: Cử nhân/ Kỹ sư/ Thạc sĩ/ Tiến sĩ
- Năm dự kiến mở:
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển hàng năm/5 năm: ... chỉ tiêu
- Đơn vị quản lý đào tạo: Khoa..... thuộc Trường ĐHCNQN

2. Sự cần thiết đề xuất mở ngành đào tạo

Trình bày các thông tin có liên quan đến ngành đề nghị mở, bao gồm các nội dung chính *(dựa trên phiếu tự đánh giá ở mẫu 02 của Phụ lục này)*.

Báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự

báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

3. Về năng lực của cơ sở đào tạo

3.1. Đánh giá chung

Báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của cơ sở đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế (*cần có số liệu thực tế dựa trên báo cáo tự đánh giá ở Mẫu 02, Phụ lục 3 và các biểu mẫu được chuẩn bị theo Phụ lục 4*).

3.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT

Ghi cụ thể thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT. Sắp xếp theo trình tự, vị trí đầu tiên là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ của ngành khác đã được nêu cụ thể tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này. Yêu cầu vị trí thứ nhất và thứ hai đối với trường hợp hai giảng viên cơ hữu là phó giáo sư, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ là phó giáo sư của ngành khác đã được nêu cụ thể tại Điều 7 của Quy định này.

4. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở

Báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo (*có xem xét đến thời gian kiểm định CTĐT ở trình độ thấp hơn*), thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội (*có thể kẻ bảng*).

4.1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Chú ý đối với CTĐT trình độ thạc sĩ, cần có cả mục tiêu của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

4.2. Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

4.3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

5. Về giải pháp và lộ trình thực hiện

Báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

Các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ và ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực

6. Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

Kết luận:

Khoa..... kính trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thẩm định và đồng ý chủ trương đề xuất mở ngành trình độ (*đại học/thạc sĩ/tiến sĩ*) đối với ngành đào tạo (*tên ngành*), mã ngành cấp IV, tên chuyên ngành (*nếu có*), dự kiến vào năm (*ghi năm dự kiến mở ngành*).

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Hội đồng KH&ĐT

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Mẫu 04b. Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành của đơn vị đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /.....

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

**TỜ TRÌNH
ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**
Ngành: TÊN NGÀNH (Mã ngành: 7 số theo TT 09/2022)
Chuyên ngành: (nếu có)

Kính gửi: Hội đồng Trường

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quy định mở ngành đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQ ngày ... tháng ... năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Căn cứ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo, trình độ..... của Khoa.....

Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo trường về việc thẩm định và kết luận đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

Xét về năng lực lực đào tạo của đơn vị và Trường, Hiệu trưởng đề xuất mở ngành đào tạo, cụ thể như sau:

1. Thông tin ngành đăng ký đào tạo

- Ngành đào tạo:
- Mã ngành:
- Hệ đào tạo:
- Trình độ đào tạo:
- Tổ hợp xét tuyển: (Ghi các ngành phù hợp không bỏ sung/bỏ sung kiến thức đối với trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ)
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: tín chỉ
- Thời gian đào tạo: năm/tháng (tối đa là ... năm/tháng) (chú ý đối với trình độ Thạc sĩ, hệ vừa học vừa làm có thời gian đào tạo là 29 tháng; thời gian đào tạo tối đa 58 tháng)
- Danh hiệu: Cử nhân/ Kỹ sư/ Thạc sĩ/ Tiến sĩ
- Năm dự kiến mở:
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển hàng năm/5 năm: ... chỉ tiêu
- Đơn vị quản lý đào tạo: Khoa..... thuộc Trường ĐHCNQ

2. Sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

Trình bày các thông tin có liên quan đến ngành đề nghị mở, bao gồm các nội dung chính (*dựa trên phiếu tự đánh giá ở mẫu 02 của Phụ lục này*).

Báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

3. Về năng lực của cơ sở đào tạo

3.1. Đánh giá chung

Báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của cơ sở đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế (*cần có số liệu thực tế dựa trên báo cáo tự đánh giá ở Mẫu 02, Phụ lục 3 và các biểu mẫu được chuẩn bị theo Phụ lục 4*).

3.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT

Ghi cụ thể thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT. Sắp xếp theo trình tự, vị trí đầu tiên là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ của ngành khác đã được nêu cụ thể tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này. Yêu cầu vị trí thứ nhất và thứ hai đối với trường hợp hai giảng viên cơ hữu là phó giáo sư, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ là phó giáo sư của ngành khác đã được nêu cụ thể tại Điều 7 của Quy định này.

4. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở

Báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo (*có xem xét đến thời gian kiểm định CTĐT ở trình độ thấp hơn*), thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội (*có thể kẻ bảng*).

4.1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Chú ý đối với CTĐT trình độ thạc sĩ, cần có cả mục tiêu của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

4.2. Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

4.3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

5. Về giải pháp và lộ trình thực hiện

Báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào

tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

Các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ và ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực

6. Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

Kết luận:

Khoa..... kính trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thẩm định và đồng ý chủ trương đề xuất mở ngành trình độ (*đại học/thạc sĩ/tiến sĩ*) đối với ngành đào tạo (*tên ngành*), mã ngành cấp IV, tên chuyên ngành (*nếu có*), dự kiến vào năm (*ghi năm dự kiến mở ngành*).

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu 05. Xác nhận của các đơn vị chức năng

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

XÁC NHẬN CỦA CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG

TT	Đơn vị chức năng	Nội dung xác nhận	Ký, ghi rõ họ tên
1	Phòng Tổ chức Cán bộ	<i>Về đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo</i>	
2	Phòng Quản trị - DVC	<i>Về điều kiện cơ sở vật chất và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất</i>	
3	Phòng TCKT		
4	Phòng TT&ĐBCL	<i>Về kiểm định chương trình đào tạo của ngành đào tạo phù hợp trình độ thấp hơn đối với mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ</i>	
5	Phòng Đào tạo	<i>Về bố trí giảng viên chủ trì mở ngành không trùng lập với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo cùng trình độ của các ngành khác</i>	

Mẫu 06. Biên bản thẩm định và kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

Số: /.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
Về việc thẩm định và kết luận đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày...tháng.....năm 20....., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã tổ chức phiên họp về việc thẩm định và kết luận đề xuất chủ trương mở ngành.....trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp trường:

Stt	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS Nguyễn Văn A			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

II. Nội dung

1. Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT cấp trường tuyên bố lí do tổ chức phiên họp.
2. Đại diện đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành báo cáo tóm tắt nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành.
 - Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo.
 - Về năng lực của cơ sở đào tạo.
 - Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở.
 - Về giải pháp và lộ trình thực hiện.
 - Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro.
3. Hội đồng KH&ĐT thẩm định, cho ý kiến, xem xét thông qua đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo....., trình độ.....
4. Kết luận của Hội đồng KH&ĐT cấp trường:

.....
Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20.... Tất cả thành viên nhất trí thông qua.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu 07. Biên bản thẩm định và kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

Số: /.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
Về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng trường Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã tổ chức phiên họp về việc phê duyệt chủ trương mở ngành.....trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

- Hội đồng trường:

Stt	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS Nguyễn Văn A			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

- Đơn vị đề xuất mở ngành:

.....

II. Nội dung

1. Chủ tịch Hội đồng trường tuyên bố lí do tổ chức phiên họp.
2. Đại diện đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành báo cáo tóm tắt nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành.
 - Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo.
 - Về năng lực của cơ sở đào tạo.
 - Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở.
 - Về giải pháp và lộ trình thực hiện.
 - Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro.
3. Thư ký Hội đồng trường thông qua Biên bản thẩm định và kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành của Hội đồng KH&ĐT trường
4. Hội đồng trường cho ý kiến, xem xét thông qua đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo....., trình độ.....

- Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, đảm bảo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế:

.....

- Bảo đảm nguồn nhân lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả: ...

.....
- Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo:.....

.....
5. Kết luận của Hội đồng trường:

.....
Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20... Tất cả thành viên nhất trí thông qua.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 4: XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO
BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở:Mã ngành

Trình độ đào tạo:.....

1. Về giảng viên

Mẫu 01: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

(Dựa trên danh sách giảng viên của Phòng Tổ chức Cán bộ cung cấp; đơn vị phụ trách mở ngành kết hợp với PĐT rà soát để thống nhất danh sách giảng viên cơ hữu đúng tên ngành; cột (11); (12) do giảng viên chịu trách nhiệm cung cấp (có thể tham khảo thêm số liệu từ Phòng KHCN&QHQT))

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Văn A, 15/11/1966	092066001879 Việt Nam	PGS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Kỹ thuật mỏ	01/08/1988	x	HC158293061873267	33	10	24	

2	Nguyễn Văn B, 15/11/1966	094066001778 Việt Nam	GS, 2015	TS, Việt Nam, 2000	Kỹ thuật mở	01/08/1989	x	HC258293061873254	30	15	20	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 02: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường

(Đơn vị phụ trách mở ngành chịu trách nhiệm kê khai mẫu 02 sau khi hoàn chỉnh CTĐT)

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Nguyễn Văn A	Năng lượng mới và tái tạo	Học kỳ 1, năm thứ 2	x					Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT
....									

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 03: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/ tiến sĩ của Trường
(Đơn vị phụ trách mở ngành và Khoa quản lý ngành đào tạo phụ trách kê khai)

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/chuyên ngành	Ghi chú

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 04: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

(Đơn vị phụ trách mở ngành đào tạo liên hệ Phòng KHCN&QHQT để có thể cập nhật đầy đủ thông tin)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (Theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

TRƯỞNG PHÒNG KHCN&QHQT
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 5a: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

(Đơn vị phụ trách ngành chịu trách nhiệm hoàn chỉnh)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang
- Tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', [*trong*] *tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 5b: Bảng tổng hợp trích ngang danh sách 05 giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ
(Bảng này tổng hợp các thông tin dựa trên mẫu 1, mẫu 4 và mẫu 5 của Phụ lục 4; chỉ áp dụng cho đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ)

1. Học hàm/học vị. TÊN GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

Ngày tháng năm sinh:

Học hàm, năm phong:

Học vị, năm phong:

Ngành (tiến sĩ):

Chuyên ngành (nếu có):

Tên luận án:

Thành tích khoa học: số đề tài cấp Bộ/tỉnh; số đề tài cấp cơ sở; số bài báo khoa học thuộc WoS/Scopus (số bài là tác giả chính); số bài báo khoa học trong nước (số bài là tác giả chính có điểm từ 0,75 điểm trở lên); số bài báo khoa học, báo cáo khoa học khác

1.1 Đề tài cấp Bộ, tỉnh, cấp cơ sở

STT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu

1.2 Bài báo khoa học

STT	Tên công trình	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ)	Thuộc WoS/Scopus (kể cả BCKH)	BBKH trong nước có điểm từ 0,75	Các BBKH khác	Ghi chú

2. Học hàm/học vị. TÊN GIẢNG VIÊN THỨ HAI.. (Ghi đầy đủ thông tin cho cả 5 giảng viên cơ hữu)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KHCN&QHQT
(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(ký, đóng dấu)

Mẫu 5c: Giảng viên cơ hữu đáp ứng Điều 4 và 5 - Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT (đối với mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ)

TT	Họ và tên (Chức danh, trình độ)	Yêu cầu theo điều 4; điều 5, Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT	Tên công trình là tác giả chính (trong thời gian 5 năm)	Thuộc WoS/Scopus hoặc BBKH trong nước có điểm > 0,75 (TC quốc tế khác đối với giảng viên tham gia giảng dạy)	Điểm tối đa của HĐCDGSNN đối với ngành đào tạo
I. Danh sách giảng viên cơ hữu đáp ứng Điều 5, Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT					
1	PGS. TS. Nguyễn Văn A	Có > 4 điểm công trình; 01 BBKH thuộc Q2, SCEI; 01 BBKH thuộc Q3 Scopus; 01 chương sách tham khảo 02 BBKH trong nước từ 0,75	CTKH1: Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tên bài viết', tên tập san, số, kì/thời gian phát hành, số trang; chỉ số DOI (nếu có)	SCEI, Q2	2,0
			CTKH2: Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tên bài viết', tên tập san, số, kì/thời gian phát hành, số trang; chỉ số DOI (nếu có)	Scopus, Q3	1,5
			CTKH3: Tên tác giả, (năm xuất bản). Tên chương sách. Tên sách, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang, chỉ số DOI (nếu có)	Chương sách của NXB uy tín	1,0
			CTKH4: Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tên bài viết', tên tập san, số, kì/thời gian phát hành, số trang; chỉ số DOI (nếu có)	BBKH trong nước	1,0
			CTKH5: Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tên bài viết', tên tập san, số, kì/thời gian phát hành, số trang; chỉ số DOI (nếu có)	BBKH trong nước	0,75
2					
...					
II. Danh sách giảng viên cơ hữu chỉ đáp ứng Điều 4, Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT					
1	TS. Trần Thị B	Có > 2 điểm công trình 03 BBKH từ 0,75 điểm	CTKH1: Tên tác giả, năm xuất bản. Tên công trình khoa học. Tên tạp chí, số: trang; chỉ số DOI	BBKH trong nước	0,75
			CTKH2: Tên tác giả, năm xuất bản. Tên công trình khoa học. Tên tạp chí, số: trang; chỉ số DOI	BBKH trong nước	1,0
			CTKH2: Tên tác giả, năm xuất bản. Tên công trình khoa học. Tên tạp chí, số: trang; chỉ số DOI	BBKH quốc tế (không thuộc Wos/Scopus)	1,25

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
(Ký và ghi đủ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG TT&ĐBCL
(Ký và ghi đủ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 06: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của Trường

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ - DVC
(Ký ghi đầy đủ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

Mẫu 07: Thư viện

(Đơn vị phụ trách ngành liên hệ với Trung tâm Thư viện để phối hợp hoàn thành)

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TUYỂN SINH – THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
(Ký ghi đầy đủ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

Mẫu 08: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

(Ký ghi đầy đủ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu)

Mẫu 09. Phiếu tự đánh giá hồ sơ đăng ký mở ngành của đơn vị đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:

Mã ngành: (ghi mã ngành cấp IV)

Chuyên ngành: (Nếu không có thì bỏ dòng này)\

Trình độ: Tiến sĩ/Thạc sĩ/Đại học

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
A1	ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH TRÌNH ĐỘ		
1.1	Về ngành đào tạo Ngành đề nghị cho phép đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực (trên cơ sở kết quả khảo sát)	- Nêu thực tế số cơ sở đào tạo trong khu vực/cả nước có đào tạo ngành dự kiến mở. - Nhu cầu mở ngành trình độ <i>tiến sĩ/thạc sĩ/đại học</i> tên ngành đã được khảo sát với kết quả ứng dụng của .../... nhà tuyển dụng tỷ lệ%); các yêu cầu thực tế của nhà tuyển dụng về nhu cầu năng lực người học được thể hiện trong báo cáo tóm tắt (<i>đính kèm</i> : báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà tuyển dụng dựa trên kết quả khảo sát ở Mẫu 1) - Phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo: ghi cụ thể các thị trường nhân lực cần đối với ngành dự kiến mở (<i>Có thể có khảo sát thêm nhu cầu người học tiềm năng</i>).	
1.2	Ngành có trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành.	- Ghi mã ngành cấp IV quy định trong Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 - <i>Nếu mở ngành thạc sĩ, cần ghi thêm ngành trình độ đại học đã mở, mã ngành, năm bắt đầu đào tạo.</i> - <i>Nếu mở ngành tiến sĩ, cần ghi thêm ngành trình độ đại học và thạc sĩ đã mở, mã ngành, năm bắt đầu đào tạo.</i>	
2	Đội ngũ giảng viên:		
2.1	Giảng viên cơ hữu đúng tên ngành đào tạo + Trình độ đại học: Theo khoản 1, 2 điều 5 Quyết định mở ngành của Trường Đại học CNQN (khoản 1,2 điều 4 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)	Có năm (05) giảng viên cơ hữu trong đó có số lượng GS; số PGS và số lượng TS có bằng tiến sĩ ngành đúng chịu trách nhiệm, tổ chức thực hiện chương trình đào	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	<p>+ Trình độ thạc sĩ: Theo khoản 1 điều 6 (khoản 1 điều 5 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)</p> <p>+ Trình độ tiến sĩ: Theo khoản 1 điều 7 (khoản 1 điều 6 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT)</p>	<p>ạo. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị, Tên giảng viên thứ nhất, năm sinh, tiền sử ngành (tên ngành), chuyên ngành (nếu có); năm nhận bằng TS; Giáo sư/Phó giáo sư ngành (tên ngành), năm nhận học hàm: (nếu là tiến sĩ thì bỏ dòng này). Số lượng bài báo khoa học công bố và đề tài NCKH có liên quan <p>Cần khẳng định: Không trùng với giảng viên chủ trì ngành đào tạo khác trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên thứ 2 - Giảng viên thứ 3 - Giảng viên thứ 4 - Giảng viên thứ 5 <p>(Đính kèm mẫu 1 Phụ lục 4+ mẫu 5b đối với trình độ ThS, TS)</p>	
2.2	<p>Đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT:</p> <p>a) Đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo</p>	<p>Số lượng CBGD cơ hữu, toàn thời gian ở các trình độ theo yêu cầu: (nêu cụ thể, chi tiết theo khoản 3, điều 5 – trình độ đại học; khoản 2 điều 6 và 7 – trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của quy định này)</p> <p>Ghi rõ GV cơ hữu, GV toàn thời gian của trường đủ đảm trách giảng dạy 100% học phần theo CTĐT hoặc không? Nếu có giảng viên thỉnh giảng thì phải có thông tin cụ thể, chi tiết.</p>	
	<p>b) Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.</p>	<p>Cần khẳng định: Trường đã phân công giảng viên phụ trách đủ 100% các học phần của chương trình đào tạo ngành (nếu là trình độ thạc sĩ cần nêu thêm: theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu); bảo đảm mỗi học phần đều có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy (đính kèm bảng Mẫu 2, Phụ lục 4)</p>	
	<p>c) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành</p>	<p>Với các ngành đào tạo không thuộc nhóm này thì xóa nội dung</p>	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	<p>đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (<i>theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo</i>), có thể điều chỉnh theo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (<i>đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học</i>); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT; - Riêng ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (<i>đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học</i>); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT 	<p>này</p>	
	<p>d) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (<i>theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo</i>), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc</p>	<p><i>Chỉ trình bày đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe. Chi tiết theo phụ lục 2. Ghi “Không thuộc nhóm ngành sức khỏe” với các ngành còn lại hoặc xóa nội dung này</i></p>	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.		
2.3	<p>Đối với đào tạo thạc sĩ</p> <p>Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn của học viên; Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế; Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn.</p>	<p>Thể hiện các nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng quy định dựa trên số lượng giảng viên đủ điều kiện. -Ghi tóm tắt số lượng giảng viên (<i>số giáo sư; số PGS, số TS với tổng số công bố khoa học (đề tài NCKH, bài báo khoa học trong nước, quốc tế).</i> -Đính kèm bảng liệt kê các công trình nghiên cứu của GV, các công bố khoa học liên quan đã được kiểm tra trên hệ thống quản lý của Trường (<i>xem Mẫu 4 và 5a, Phụ lục 4).</i> - Số lượng học viên dự kiến tuyển sinh trong 2 khóa đầu từ học viên 	
	<p>Đối với đào tạo tiến sĩ</p> <p>Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Thể hiện các nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng quy định dựa trên số lượng giảng viên đủ điều kiện. - Ghi tóm tắt số lượng giảng viên (<i>số giáo sư; số PGS, số TS với tổng số công bố khoa học (đề tài NCKH, bài báo khoa học trong nước, quốc tế)</i> - Đính kèm bảng liệt kê các công trình nghiên cứu của GV, các công bố khoa học liên quan đã được kiểm tra trên hệ thống quản lý của Trường (<i>xem Mẫu 5c, Phụ lục 4).</i> - Số lượng nghiên cứu sinh dự kiến tuyển sinh trong 4 khóa đầu từ nghiên cứu sinh 	
2.4	<p>Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo..</p>	<p><i>Chỉ sử dụng đối với đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ. Trình độ đại học bỏ mục này.</i></p> <p>Các nội dung cần thể hiện - Phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành đào tạo trình độ ThS/Đại 	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
		<p>học là ngành đúng/ngành phù hợp; mã ngành (ghi mã ngành cấp IV của ngành trình độ ThS/TS); đã có quyết định mở ngành theo văn bản (Số quyết định, ngày ban hành) CTĐT đã tuyển sinh và đào tạo (số lượng) khóa; thông tin tốt nghiệp của HV cao học/đại học đều được đăng tải công khai trên (ghi đường link đăng tải)</p> <p>CTĐT bậc Thạc sĩ/ Đại học đã nhận được chứng nhận kiểm định chất lượng (số quyết định, ngày ban hành, thời gian hiệu lực)</p>	
3	Cơ sở vật chất:		
	<p>a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT</p>	<p>- Thông tin về cơ sở vật chất của Trường (theo mẫu 6 & 7, Phụ lục 4 và dựa theo số liệu thống kê hàng quý hoặc báo cáo thường niên; cần ghi rõ thời gian cập nhật thông tin), thể hiện rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các khu chính của trường và diện tích + Giảng đường, hội trường, phòng học + Số phòng học đa phương tiện + Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian + Thư viện và Trung tâm học liệu + Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập 	
	<p>b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng</p>	<p>Cần ghi rõ thông tin về cơ sở vật chất đặc thù đối với ngành đào tạo dự kiến mở (Mẫu 8, Phụ lục 4)</p>	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học;		
	c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;	<p>Trường Đại học CNQN trang bị đầy đủ phòng thí nghiệm, thực tập, thực hành thí nghiệm cho người học.</p> <p>Đối với các học phần thực tập ngoài trường, thực tập rèn nghề cần chú ý minh chứng các ký kết, thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp ngoài trường</p>	
	d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc cơ sở đào tạo phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;	<p>Cung cấp thông tin về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số thư viện điện tử ở nước ngoài được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo - Tổng số thư viện điện tử ở trong nước được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo - Tổng số đầu sách tham khảo phục vụ ngành đào tạo: <p>Trong đó: Bản cứng Bản điện tử Bản cứng và điện tử</p> <p>Số tạp chí phục vụ ngành đào tạo: Trong đó Bản cứng Bản điện tử Bản cứng và điện tử</p> <p><i>(Đơn vị đào tạo liên hệ Trung tâm học liệu cung cấp thông tin; thể hiện cơ sở đào tạo có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo)</i></p> <p>Tạp chí khoa học Trường Đại học CNQN. Năm bắt đầu: (theo Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa Thông tin cấp, số ngày); hình thức:</p>	
	d) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.	Website của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (www.qui.edu.vn) được cập nhật thường xuyên và đăng tải công khai theo quy định (Công khai theo thông tư 36, Tuyển dụng, tra cứu văn bằng, Quy trình công tác, báo cáo thường niên; Đề án mở ngành)	
4	Chương trình đào tạo và một số điều kiện khác để thực hiện chương trình đào tạo		
	a) Chương trình đào tạo theo định hướng	- Cần thể hiện rõ theo từng bậc	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng hoặc cả hai	học (Đại học: ghi rõ số tín chỉ theo hệ cử nhân/kỹ sư/CTCLC; Thạc sĩ: Định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng, 60 TC; Tiến sĩ: Định hướng nghiên cứu, 90 TC)	
	b) Có chương trình đào tạo của ngành đề nghị cho phép đào tạo được xây dựng theo quy định; phù hợp với Khung trình độ quốc gia hiện hành; được thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học ban hành theo quy định;	<ul style="list-style-type: none"> - Có chương trình đào tạo phù hợp với chuẩn CTĐT quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT - CTĐT của Trường đã tham khảo, đối sánh với CTĐT của ĐH nước ngoài, ... trong nước: - Tên trường (Quốc gia): đường link chi tiết đến CTĐT của ngành; có thể bổ sung xếp hạng nếu có - Trường thứ 2 - Trường trong nước... 	
	c) Đã công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo ứng với các trình độ khác nhau theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;	- Trong CTĐT đã công bố chuẩn đầu ra đạt bậc ...theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.	
	d) Có kết quả hợp tác với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ (trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật);	- Ghi tóm tắt thông tin về hợp tác quốc tế của Trường và của đơn vị đào tạo (có ngành dự kiến mở).	
	e) Thông tin về việc đánh giá, tổ chức thẩm định CTĐT;	<p>Nêu rõ các thông tin sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành đào tạo tiến sĩ/ thạc sĩ/ đại học theo định hướng nghiên cứu/ ứng dụng. - Được tổ chức thẩm định theo Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo thực tế ngành, trình độ (mã ngành) thành lập theo Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày dd/mm/yyyy của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh - Biên bản thẩm định ngày dd/mm/yyyy. - Kết luận của Hội đồng thống nhất thông qua CTĐT 	
	f) Đã đăng ký kiểm định chất lượng	- Trường đã được đánh giá ngoài	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
	giáo dục hoặc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành và theo kế hoạch kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	<p>theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt chuẩn năm 2023. Quyết định số 599/QĐ-KĐCLV ngày 27/02/2023; vào sổ đăng ký số 161/GCN-CSGDĐH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi bổ sung thông tin đánh giá ngoài cho chu kỳ 5 năm tiếp theo. - Ghi thông tin kiểm định ngành phù hợp trình độ đại học và thạc sĩ đối với mở ngành sau đại học <p>Tên ngành (trình độ): Số quyết định, ngày ký, số giấy chứng nhận (nếu có).</p>	
	g) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ; đã ban hành quy định đào tạo trình độ tương ứng của cơ sở đào tạo;	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị quản lý chuyên trách quản lý đào tạo trình độ đại học là Phòng Đào tạo. - Thông tin ban hành quy định đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ: cần ghi rõ số quyết định, ngày ký, đường link dẫn đến quy định đào tạo của Trường. 	
	h) Không vi phạm các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học trong thời hạn 3 năm, tính đến ngày đề nghị mở ngành.	Ghi rõ “Không vi phạm”	
	<p>* Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ghi rõ ngành đào tạo, trình độ, chức danh, đơn vị công tác của thành viên. - Biên bản hội đồng thẩm định và kết luận. <p>- Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của hội đồng thẩm định (nếu có).</p> <p>* Trường hợp sử dụng chương trình đào tạo của trường khác/nước ngoài nêu rõ của nước nào, đã được kiểm định chất lượng chưa? bản quyền sử dụng.</p> <p>* Biên bản của hội đồng khoa học đào tạo trường thông qua đề án.</p>	<p>Thông tin số quyết định, ngày ký</p> <p>Thông tin Biên bản họp HĐ thẩm định (<i>ghi cụ thể thời gian</i>), kèm nhận xét và biên bản kiểm phiếu</p> <p>Tờ trình về việc điều chỉnh theo góp ý của HĐ thẩm định, thời gian hoàn thành tờ trình</p> <p>Ghi “Không thuộc trường hợp này” với các trường hợp không sử dụng CTĐT nước ngoài.</p> <p>Ghi rõ thông tin về số biên bản, phiên họp ngày; kết luận là thông qua đề án mở ngành trình độ nào,</p>	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
		tên ngành và mã ngành cấp IV.	
5	Cơ sở đào tạo đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa		
	Cơ sở đào tạo đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.	<p>Trường ĐHCNQN có Phòng Đào tạo thực hiện quản lý đào tạo chung và đơn vị đào tạo (nêu rõ) thực hiện quản lý đào tạo chuyên môn ngành....</p> <p>Trường ĐHCNQN có Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày .../.../20... thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành và CTĐT ngànhtrình độ...</p> <p>Trường ĐHCNQN có Khoa.... để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở</p>	
6	Cơ sở đào tạo sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.		
	Cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.	<p>Trong giai đoạn dịch bệnh, Trường ĐHCNQN đã tổ chức đào tạo trực tuyến, đã xây dựng các bài giảng, học liệu dạy học trực tuyến cho sinh viên.</p> <p>Trường ĐHCNQN đã ban hành quy định đào tạo trực tuyến theo quyết định số.... ngày ..tháng...năm...</p>	
7	Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo		
	Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo. Trong trường hợp cơ sở đào tạo chưa có hội đồng trường phải có văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo.	Hội đồng Trường được thành lập theo Quyết định số .../QĐ-BCT ngày .../.../20...; Trường đã có Nghị quyết số .../NQ-HĐT ngày .../.../..... về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ ngành (dự kiến mở)	
B	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO, ĐÌNH CHỈ NGÀNH ĐÀO TẠO		
1	Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo		
1.1	Giám đốc, viện trưởng, hiệu trưởng cơ sở đào tạo (gọi chung là hiệu trưởng) chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo.	- Trường ĐHCNQN có kế hoạch (hay kế hoạch bổ sung) mở ngành/ chuyên ngành đào tạo trình độ đại học,	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
		thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 theo quyết định số .../NQ-HĐT - Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày .../.../20.. thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành và CTĐT ngành trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ	
1.2	Nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành	Đề cập lại các nội dung chính (đề mục) đã được ghi trong tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành; chú ý nhắc đến việc khảo sát nhà tuyển dụng.	
1.3	Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.	- Biên bản họp hội đồng Khoa học và đào tạo về việc thẩm định xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ (ghi trình độ) ngành (tên ngành) ngày .../.../..... (Biên bản số .../BB-HĐKHĐT)	
	Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo	Nghị quyết số .../NQ-HĐT ngày .../.../202.. của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ (ghi trình độ) ngành (tên ngành) (đính kèm)	
2	Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo		
2.1	Nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng đại học phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành của cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo chưa có hội đồng trường);	Nghị quyết số .../NQ-HĐT ngày .../.../202.. của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ (ghi trình độ) ngành (tên ngành) (đính kèm)	
2.2	Biên bản thẩm định chủ trương mở ngành của hội đồng khoa học và đào tạo;	Ghi rõ số biên bản, ngày ký về việc thông qua chủ trương mở ngành (đính kèm tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành có xác nhận của các đơn vị chức năng)	
2.3	Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; quyết định ban hành chương trình đào tạo;	Ghi rõ số quyết định của từng Hội đồng, số biên bản; quyết định ban hành CTĐT	
2.4	Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định	Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
		định (kèm theo): - Nêu tên GV chủ trì ngành - Tên các giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm mở ngành (Theo Điều 5 đến Điều 7 của Quy định này, tương ứng từng trình độ đào tạo. <i>(Đính kèm danh sách theo mẫu ở Phụ lục 4 của Quy định này và các minh chứng: Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp)</i>	
2.5	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo	Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo ở Phụ lục 4 của Quy định này	
3	Thẩm định đề án mở ngành đào tạo		
	Hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của hội đồng khoa học và đào tạo phải được thể hiện bằng biên bản thẩm định	Cần có Biên bản họp thẩm định của Hội đồng khoa học và đào tạo, thông qua điều kiện và thủ tục mở ngành dự kiến (kèm theo cụ thể biên bản, ngày họp) Các kết luận chính trong biên bản: + Thông qua đề án mở ngành ... (kèm theo đề án) + Kết luận về điều kiện bảo đảm chất lượng thực tế gồm đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện của Trường ĐHCNQN cho ngành đào tạo dự kiến mở.	
4	Hồ sơ mở ngành đào tạo		
4.1	Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo	Ghi rõ số tờ trình đề nghị mở ngành, ngày ký	
4.2	Đề án mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định	Trường đã thực hiện việc thẩm định đề án mở ngành đào tạo theo quy định (lập lại thông tin biên	

TT	Điều kiện mở ngành theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/không đáp ứng
		bản thẩm định đề án mở ngành của HĐKHĐT)	
4.3	Cơ sở đào tạo có vi phạm nào đến mức mất quyền tự chủ mở ngành đào tạo hoặc không, thời gian vi phạm là khi nào?	Cần khẳng định: Trường ĐHCNQN không có vi phạm nào đến mức mất quyền tự chủ mở ngành.	

Kết luận: Điều kiện mở ngành (*tên ngành*) trình độ (*đại học/thạc sĩ/tiến sĩ*) đã đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 08/01/2022.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo/Hội đồng Trường cho phép Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đào tạo trình độ (*đại học/thạc sĩ/tiến sĩ*) ngành (*tên ngành*) (mã ngành cấp IV), tên chuyên ngành (*nếu có*).

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Hội đồng KH&ĐT
- P TT&ĐBCL.
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

PHỤ LỤC 5: BIỂU MẪU ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Mẫu 01: Đề nghị Hội đồng xây dựng đề án và chương trình đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

Kính gửi: - Phòng Đào tạo
- Phòng Tổ chức - Cán bộ
- Ban Giám hiệu

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Thực hiện kế hoạch mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ nămtheo Nghị quyết số/NQ-HĐT ngày tháng ... năm 202... của Hội đồng Trường, Khoa... đề cử danh sách thành viên tham gia Hội đồng xây dựng đề án và chương trình đào tạo trình độ ngành, mã ngành như sau:

I. Hội đồng xây dựng đề án mở ngành:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ	Điện thoại, email
1			Chủ tịch	
2			Phó chủ tịch	
3		Phòng Đào tạo	Ủy viên	
4		P TT&ĐBCL	Ủy viên	
5		Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên	
6			Ủy viên	
7			Ủy viên	
8			Ủy viên	
9			Ủy viên thư ký	

II. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

TT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị	Nhiệm vụ	Điện thoại, email
1				Chủ tịch	
2				Ủy viên	
3				Ủy viên	
4			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên	
5				Ủy viên thư ký	

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Yêu cầu về thành phần Hội đồng: Theo Khoản 1 và 2, Điều 10 của Quy định này

1. *Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo:* có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm đại diện thành viên tham gia xây dựng CTĐT, Phòng Đào tạo, Phòng TT&ĐBCL, chuyên viên, giảng viên của ĐVĐT.

2. *Hội đồng xây dựng CTĐT:* là số lẻ từ 5 đến 9 thành viên, bao gồm đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

Chú ý: Phải có giảng viên chủ trì ngành đào tạo theo quy định ở Điều 5 – đối với trình độ đại học, Điều 6 - đối với đào tạo trình độ thạc sĩ và Điều 7 - đối với đào tạo trình độ tiến sĩ của Quy định này.

Tiêu chuẩn của thành viên hội đồng xây dựng CTĐT được quy định như sau:

a) Thành viên tham gia xây dựng CTĐT trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ có học hàm, học vị từ giáo sư/phó giáo sư hoặc tiến sĩ ngành phù hợp, trừ người sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan có trình độ từ thạc sĩ;

b) Thành viên tham gia xây dựng CTĐT trình độ đại học, cần bảo đảm có ít nhất 01 giảng viên cơ hữu ngành phù hợp, chủ trì ngành đào tạo có trình độ từ tiến sĩ, các thành viên còn lại yêu cầu trình độ từ thạc sĩ, trừ người sử dụng lao động có trình độ từ đại học hoặc có 5 kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT

Mẫu 2a: Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

Số: /QĐ-ĐHCNQN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo
trình độ (đại học/thạc sĩ/tiến sĩ), ngành (tên ngành), mã ngành (mã cấp IV)
Chuyên ngành: (nếu có)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-HĐT ngày 6 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày... tháng ...năm 20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị Trưởng đơn vị đào tạo (ghi cụ thể) và Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và cử các ông (bà) có tên sau đây làm thành viên:

(danh sách đính kèm)

Điều 2. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có trách nhiệm xây dựng, thiết kế chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng xây dựng do Chủ tịch phân công.

Các thành viên của Hội đồng xây dựng được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo (hoặc Phòng Sau đại học), Phòng Tài chính kế toán, Phòng HCTH, Phòng Tổ chức Cán bộ, đơn vị đào tạo (ghi cụ thể), các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH

Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo
trình độ (đại học/thạc sĩ/tiến sĩ), ngành (tên ngành), mã ngành (mã cấp IV)
(Ban hành kèm theo quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày tháng năm 202...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị	Nhiệm vụ
1				Chủ tịch
2				Ủy viên
3				Ủy viên
...			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên
				Ủy viên thư ký

Mẫu 2b: Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

Số: /QĐ-ĐHCNQ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo
trình độ (đại học/thạc sĩ/tiến sĩ), ngành (tên ngành), mã ngành (mã cấp IV)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 6 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQ ngày... tháng ... năm 20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị Trường đơn vị đào tạo (ghi cụ thể) và Trường Phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ, ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và cử các ông (bà) có tên sau đây làm thành viên:

(danh sách đính kèm)

Điều 2. Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo có trách nhiệm xây dựng đề án theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng xây dựng do Chủ tịch phân công.

Các thành viên của Hội đồng xây dựng được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo (hoặc Phòng Sau đại học), Phòng Tài chính kế toán, Phòng HCTH, Phòng Tổ chức Cán bộ, đơn vị đào tạo (ghi cụ thể), các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH

Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo
trình độ (đại học/thạc sĩ/tiến sĩ), ngành (tên ngành), mã ngành (mã cấp IV)
(Ban hành kèm theo quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày tháng năm 202...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Văn A	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Văn B		Phó chủ tịch
3		Phòng Đào tạo	Ủy viên
4		P TT&ĐBCL	Ủy viên
5		Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên
...			Ủy viên
			Ủy viên thư ký

Mẫu 3a: Đề nghị Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

V/v đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định
CTĐT trình độ, ngành.....(mã ngành)

- Kính gửi:
- Phòng Đào tạo
 - Phòng Tổ chức - Cán bộ
 - Hội đồng Khoa học và đào tạo
 - Ban Giám hiệu

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Thực hiện kế hoạch mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ nămtheo Nghị quyết số/NQ-HĐT ngày tháng ... năm 202... của Hội đồng Trường, dựa trên các hồ sơ có liên quan về việc xây dựng chương trình đào tạo, Khoa.... đề cử danh sách thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo:

Tên ngành: ; Mã ngành:

Trình độ:

Thuộc đơn vị quản lý như sau:

STT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lê Văn A		Khoa....	Chủ tịch
2				Phản biện 1
3				Phản biện 2
4			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên
5				Ủy viên thư ký

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

TRƯỜNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Yêu cầu về thành phần Hội đồng: Theo Khoản 3, Điều 10 của Quy định này

Cơ cấu: Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo là số lẻ có ít nhất 05 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 Ủy viên phản biện thuộc 02 cơ sở đào tạo khác nhau và Ủy viên là đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.

Tiêu chuẩn Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo: giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học có trình độ từ thạc sĩ. Thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT không là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT và Hội đồng xây dựng đề án mở ngành.

Mẫu 3b: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

Số: /QĐ-ĐHCNQN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
trình độ (đại học/thạc sĩ/tiến sĩ), ngành (tên ngành), mã ngành (mã cấp IV)
Chuyên ngành: (nếu có)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 6 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày... tháng ...năm 20...của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐT ngày tháng năm 20... của Hội đồng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ năm....;

Theo đề nghị Trường đơn vị đào tạo (ghi cụ thể) và Trường Phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ, ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

(danh sách đính kèm)

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm thực hiện thẩm định chương trình đào tạo ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) trình độ theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch phân công.

Các thành viên của Hội đồng thẩm định được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo (hoặc Phòng Sau đại học), Phòng Tài chính kế toán, Phòng HCTH, Phòng Tổ chức Cán bộ, đơn vị đào tạo (ghi cụ thể), các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
trình độ (đại học/thạc sĩ/tiến sĩ), ngành (tên ngành), mã ngành (mã cấp IV)
(Ban hành kèm theo quyết định số/QĐ-DHCNQN ngày tháng năm 202...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lê Văn A			Chủ tịch
2				Phản biện 1
3				Phản biện 2
4			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên
5				Ủy viên thư ký

Mẫu 4a: Đề nghị Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

V/v đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định
đề án mở ngành trình độ, ngành.....(mã
ngành)

Kính gửi: - Ban Giám hiệu Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Thực hiện kế hoạch mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ nămtheo Nghị quyết số/NQ-HĐT ngày tháng ... năm 202... của Hội đồng Trường, dựa trên các hồ sơ có liên quan về việc mở ngành đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đề cử danh sách thành viên Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo như sau:

Tên ngành: ; Mã ngành:

Trình độ:

Thuộc đơn vị quản lý như sau:

STT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ	Điện thoại/ Email
1	PGS.TS. Lê Văn A	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	Chủ tịch	09xxx lva@qui.edu.vn
2			Ủy viên	
3			Ủy viên	
4			Ủy viên	
5			Ủy viên Thư ký	
6				
7				

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Yêu cầu về thành phần Hội đồng: Theo Khoản 4, Điều 10 của Quy định này Hội đồng thẩm định đề án mở ngành có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên. Trong đó, Chủ tịch là Ủy viên Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHCNQN; các thành viên khác được Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ định. Thành viên Hội đồng thẩm định đề án không là thành viên các Hội đồng xây dựng CTĐT và xây dựng đề án.

Mẫu 4b: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Số: /QĐ-ĐHCNQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo
trình độ (tên trình độ) ngành (tên ngành), mã ngành**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 6 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày... tháng ...năm 20...của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐT ngày tháng năm của Hội đồng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ năm....;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

(danh sách đính kèm)

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm thực hiện thẩm định đề án mở ngành đào tạo ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) trình độ theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch phân công. Các thành viên của Hội đồng thẩm định được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo (hoặc Phòng Sau đại học), Phòng Tài chính kế toán, Phòng HCTH, Phòng Tổ chức Cán bộ, các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, HĐ KH&ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH

Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đào tạo trình độ (tên trình độ) ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV)

(Ban hành kèm theo quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày tháng năm 202... của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lê Văn A	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	Chủ tịch
2			Ủy viên
3			Ủy viên
4			Ủy viên
5			Ủy viên
6			Ủy viên
7			Ủy viên Thư ký

Mẫu 05. Phiếu khảo sát về nhu cầu đối với ngành đào tạo dự kiến mở (Đây là mẫu phiếu gợi ý các nội dung chính; đơn vị đào tạo điều chỉnh, bổ sung theo ngành, lĩnh vực đào tạo.)

Mẫu 5a. Phiếu khảo sát Doanh nghiệp/NSDLĐ về nhu cầu đối với ngành đào tạo dự kiến mở

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

PHIẾU LẤY Ý KIẾN DOANH NGHIỆP / NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VỀ NHU CẦU NHÂN LỰC ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)

*Kính thưa Quý Doanh nghiệp và Nhà sử dụng lao động,
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo
..... trình độ trong thời gian sắp tới.
Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu nhân lực thực tế tại các doanh nghiệp và thị trường lao động tại địa phương, Trường ĐHCNQN kính mong Quý Doanh nghiệp và Nhà sử dụng lao động có kinh nghiệm và hiểu biết về lĩnh vực dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu nhân lực đối với ngành
.....
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Doanh nghiệp và Nhà sử dụng lao động sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ vững chắc để đề xuất mở ngành đào tạo này.*

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên		
Độ tuổi	<input type="checkbox"/> 30-40	<input type="checkbox"/> 40-50	<input type="checkbox"/> trên 50
Giới tính	<input type="checkbox"/> Nam	<input type="checkbox"/> Nữ	
Chức vụ		
Nơi làm việc		
Địa chỉ		
Lĩnh vực hoạt động		
Số điện thoại liên hệ		
Địa chỉ thư điện tử		

Kinh nghiệm công tác

- | | | | | |
|---------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| 1. Quản lý | <input type="checkbox"/> < 5 năm | <input type="checkbox"/> > 5 năm | <input type="checkbox"/> > 10 năm | Khác..... |
| 2. Nghiên cứu | <input type="checkbox"/> < 5 năm | <input type="checkbox"/> > 5 năm | <input type="checkbox"/> > 10 năm | Khác..... |
| 3. Tư vấn | <input type="checkbox"/> < 5 năm | <input type="checkbox"/> > 5 năm | <input type="checkbox"/> > 10 năm | Khác..... |

Phần II. Lấy ý kiến về sự cần thiết (nhu cầu) mở ngành đào tạo

1. Mức độ cần thiết của ngành đào tạo

- Rất không cần thiết
- Không cần thiết
- Phân vân
- Cần thiết
- Rất cần thiết

2. Đối với ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên, trong thời gian 02 năm trở lại đây, cơ quan, tổ chức của Ông/Bà đã tuyển dụng bao nhiêu người?

3. Nếu cơ quan, tổ chức của Ông/Bà có nhu cầu tuyển dụng nhân sự mới, Ông/Bà có cân nhắc việc tuyển người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo này?

Trả lời		Giải thích (nếu cần)
Có	<input type="checkbox"/>	
Không	<input type="checkbox"/>	

4. Cơ quan, tổ chức của Ông/Bà có sẵn sàng tiếp nhận người học từ ngành đào tạo..... về thực tập/ thực tế?

Trả lời		Giải thích (nếu cần)
Có	<input type="checkbox"/>	
Không	<input type="checkbox"/>	

5. Theo Ông/Bà biết, nhu cầu tuyển dụng đối với người tốt nghiệp từ ngành đào tạo này sẽ tăng hoặc giảm hoặc không thay đổi trong tương lai?

Trả lời		Giải thích (nếu cần)
Tăng	<input type="checkbox"/>	
Giảm	<input type="checkbox"/>	
Không đổi	<input type="checkbox"/>	

6. Cơ quan của Ông/Bà đang làm việc cần khoảng bao nhiêu vị trí việc làm liên quan đến ngành mà Nhà trường dự định mở?

Hiện tại, đơn vị cần khoảng Vị trí việc làm liên quan đến ngành

7. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo cần có những năng lực gì?

(Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: *Rất không cần thiết*; 2: *Không cần thiết*; 3: *Bình thường*; 4: *Cần thiết*; 5: *Rất cần thiết*)

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Tính sáng tạo trong công việc					
2	Tư duy phản biện					
3	Năng lực ngoại ngữ					
4	Năng lực công nghệ thông tin					
5	Năng lực kỹ thuật số					
6	Mức độ tự chủ trong công việc					
7	Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp					
8	Kỹ năng giao tiếp (với đồng nghiệp, khách hàng)					
9	Kỹ năng làm việc nhóm					
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
11	Kỹ năng quản lý chất lượng công việc					
12	Tinh thần kỷ luật trong công việc					
13	Tinh thần cầu thị, học hỏi trong công việc					
14	Ý thức phát triển bền vững					
15	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội					
16	Sự cam kết đồng hành đối với Cơ quan/doanh nghiệp					

7. Ông/Bà có những yêu cầu đặc biệt nào đối với người học tốt nghiệp từ ngành này?

.....

8. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo này cần lưu ý thêm các điều gì khi xin ứng tuyển vào các vị trí việc làm tại cơ quan, tổ chức của Ông/Bà?

.....

Xin cảm ơn Ông/Bà đã dành thời gian cho ý kiến.

Ngày cho ý kiến:

Xác nhận của cơ quan công tác

Mẫu 5b: Phiếu khảo sát nhu cầu Người học đối với ngành đào tạo dự kiến mở (trình độ đại học)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC
VỀ NHU CẦU ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO
(TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC)
(Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)**

*Kính thưa Quý Anh/Chị,
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo trình độ đại học trong thời gian sắp tới.
Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu người học tiềm năng, Trường ĐHCNQN kính mời Anh/Chị dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu của người học đối với ngành đào tạo / CTĐT
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Anh/Chị sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ để đề xuất mở ngành đào tạo / CTĐT này.*

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên

Độ tuổi

dưới 18 từ 18 đến 22 trên 22

Giới tính

Nam Nữ

Số điện thoại liên hệ

Điện thoại bàn:

Điện thoại di động:

Địa chỉ thư điện tử

Nơi cư trú

trong tỉnh Quảng Ninh ngoài tỉnh Quảng Ninh

Anh/Chị là

cựu sinh viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh

cựu học viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh

cựu người học của một cơ sở đào tạo khác

Phần II. Lấy ý kiến về ngành đào tạo dự kiến mở

Câu 1. Anh / Chị vui lòng cho biết đánh giá của bản thân về mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất sau đây mà CTĐT dự kiến sẽ đào tạo, trang bị cho người học.

(Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: *Rất không cần thiết*; 2: *Không cần thiết*; 3: *Bình thường*; 4: *Cần thiết*; 5: *Rất cần thiết*)

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện					
2	Nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn					
3	Hiểu biết các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã					

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
	hội					
4	Kỹ năng thực hành chuyên môn					
5	Kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên môn					
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
7	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành					
8	Kỹ năng làm việc nhóm (phối hợp trong công việc)					
9	Kỹ năng giao tiếp					
10	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ					
11	Tư duy phản biện					
12	Năng lực công nghệ thông tin					
13	Năng lực kỹ thuật số					
14	Năng lực đổi mới sáng tạo					
15	Năng lực học tập trọn đời					
16	Tư duy khởi nghiệp					
17	Đạo đức nghề nghiệp					
18	Trách nhiệm xã hội					
19	Ý thức phục vụ cộng đồng					
20	Ý thức phát triển bền vững					

Câu 2. Anh / Chị có nhu cầu theo học CTĐT hay không?

- Có
 Phân vân
 Không

Câu 3. [trường hợp trả lời Có/Phân vân ở Câu 2] Anh / Chị vui lòng cho biết mong muốn có được các năng lực, phẩm chất nào khác từ CTĐT

Câu 4. Anh / Chị vui lòng cho biết phương thức Nhà trường sẽ thông tin đến Anh / Chị về ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên. (có thể chọn nhiều hơn 1 phương thức)

- Thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN
 Thông tin qua các tờ rơi, tài liệu phát tay
 Thông tin qua thư điện tử
 Thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội
 Hình thức khác. Vui lòng ghi rõ:

Xin cảm ơn Anh/Chị đã dành thời gian cho ý kiến.

Chữ ký

Ngày cho ý kiến.....

Mẫu 5c: Phiếu khảo sát nhu cầu Người học đối với ngành đào tạo dự kiến mở (trình độ thạc sĩ)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC VỀ NHU CẦU
ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**
(Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)

Kính thưa Quý Anh/Chị,
 Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
 Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu người học tiềm năng, Trường ĐHCông nghiệp Quảng Ninh kính mời Anh/Chị dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu của người học đối với CTĐT / ngành đào tạo
 Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Anh/Chị sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ để đề xuất mở CTĐT / ngành đào tạo này.

Phần I. Thông tin cá nhân

- Họ và tên
 Độ tuổi dưới 25 từ 25 đến 40 trên 40
 Giới tính Nam Nữ
 Số điện thoại liên hệ Điện thoại bàn:
 Điện thoại di động:
 Địa chỉ thư điện tử
 Nơi cư trú trong tỉnh Quảng Ninh ngoài tỉnh Quảng Ninh
 Anh/Chị hiện đang có việc làm
 hiện không có việc làm
 Anh/Chị là cựu sinh viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu học viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu người học của một cơ sở đào tạo khác

Phần II. Lấy ý kiến về CTĐT/ ngành đào tạo dự kiến mở

Câu 1. Anh / Chị vui lòng cho biết đánh giá của bản thân về mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất sau đây mà CTĐT / ngành đào tạo dự kiến sẽ đào tạo, trang bị cho người học

(Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: *Rất không cần thiết*; 2: *Không cần thiết*; 3: *Bình thường*; 4: *Cần thiết*; 5: *Rất cần thiết*)

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện					
2	Nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo					

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
3	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn					
4	Kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên môn một cách khoa học					
5	Kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu trong chuyên ngành được đào tạo					
6	Năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo					
7	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo					
8	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến					
9	Năng lực làm việc độc lập, sáng tạo					
10	Năng lực thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong hoạt động chuyên môn					
11	Năng lực học tập trọn đời					
12	Đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp					
13	Trách nhiệm xã hội					
14	Ý thức phục vụ cộng đồng					
15	Ý thức phát triển bền vững					

Câu 2. Anh / Chị có nhu cầu theo học CTĐT hay không?

- Có
 Phân vân
 Không

Câu 3. [trường hợp trả lời Có/Phân vân ở Câu 2] Anh / Chị vui lòng cho biết mong muốn có được các năng lực, phẩm chất nào khác từ CTĐT / ngành đào tạo.....

Câu 4. Anh / Chị vui lòng cho biết phương thức Nhà trường sẽ thông tin đến Anh / Chị về ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên. (có thể chọn nhiều hơn 1 phương thức)

- Thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN
 Thông tin qua các tờ rơi, tài liệu phát tay
 Thông tin qua thư điện tử
 Thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội
 Hình thức khác. Vui lòng ghi rõ:

Xin cảm ơn Anh/Chị đã dành thời gian cho ý kiến.

Chữ ký

Ngày cho ý kiến.....

Mẫu 5d: Phiếu khảo sát nhu cầu Người học đối với ngành đào tạo dự kiến mở (trình độ tiến sĩ)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC VỀ NHU CẦU
ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**
(Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)

Kính thưa Quý Anh/Chị,
 Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.
 Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu người học tiềm năng, Trường ĐHCông nghiệp Quảng Ninh kính mời Anh/Chị dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu của người học đối với CTĐT / ngành đào tạo
 Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Anh/Chị sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ để đề xuất mở CTĐT / ngành đào tạo này.

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên
 Độ tuổi dưới 30 từ 30 đến 40 trên 40
 Giới tính Nam Nữ
 Số điện thoại liên hệ Điện thoại bàn:
 Điện thoại di động:
 Địa chỉ thư điện tử
 Nơi cư trú trong tỉnh Quảng Ninh ngoài tỉnh Quảng Ninh
 Anh/Chị hiện đang có việc làm
 hiện không có việc làm
 Anh/Chị là cựu sinh viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu học viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu người học của một cơ sở đào tạo khác

Phần II. Lấy ý kiến về CTĐT/ ngành đào tạo dự kiến mở

Câu 1. Anh / Chị vui lòng cho biết đánh giá của bản thân về mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất sau đây mà CTĐT / ngành đào tạo dự kiến sẽ đào tạo, trang bị cho người học

(Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: *Rất không cần thiết*; 2: *Không cần thiết*; 3: *Bình thường*; 4: *Cần thiết*; 5: *Rất cần thiết*)

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của lĩnh vực ngành đào tạo.					
2	Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.					

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
3	Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.					
4	Kiến thức về quản trị tổ chức.					
5	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.					
6	Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn					
7	Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.					
8	Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.					
9	Năng lực giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ.					
10	Năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới.					
11	Năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.					
12	Năng lực ngoại ngữ để tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu					
13	Đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.					
14	Trách nhiệm xã hội.					
15	Ý thức phục vụ cộng đồng.					
16	Ý thức phát triển bền vững.					

Câu 2. Anh / Chị có nhu cầu theo học CTĐT hay không?

- Có
 Phân vân
 Không

Câu 3. [trường hợp trả lời Có/Phân vân ở Câu 2] Anh / Chị vui lòng cho biết mong muốn có được các năng lực, phẩm chất nào khác từ CTĐT / ngành đào tạo.....

Câu 4. Anh / Chị vui lòng cho biết phương thức Nhà trường sẽ thông tin đến Anh / Chị về ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên. (có thể chọn nhiều hơn 1 phương thức)

- Thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN
 Thông tin qua các tờ rơi, tài liệu phát tay
 Thông tin qua thư điện tử
 Thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội
 Hình thức khác. Vui lòng ghi rõ:

Xin cảm ơn Anh/Chị đã dành thời gian cho ý kiến.

Chữ ký

Ngày cho ý kiến.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU ĐÀO TẠO
 LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH**

1. Tổng số phiếu khảo sát thu thập được:....., trong đó:

1.1. Số chuyên gia:.....

Kinh nghiệm công tác	Quản lý	Nghiên cứu	Giáo dục	Tư vấn
Số lượng				
Tỉ lệ (%)				

1.2. Số doanh nghiệp/Nhà sử dụng lao động:.....

Kinh nghiệm công tác	Quản lý	Nghiên cứu	Tư vấn
Số lượng			
Tỉ lệ (%)			

1.3. Số người học, cựu sinh viên:.....

2. Mức độ cần thiết, nhu cầu tuyển dụng của ngành đào tạo:.....

Mức độ	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Phân vân	Cần thiết	Rất cần thiết
Tỉ lệ %					

Nhu cầu tuyển dụng	Tăng	Giảm	Không đổi
Tỉ lệ %			

3. Số vị trí việc làm liên quan đến ngành

STT	Tên đơn vị/Cơ quan	Tên người thực hiện khảo sát	Số vị trí việc làm liên quan đến ngành.....	Ghi chú
1				
2				
...				
Tổng				

4. Nhu cầu của người học:

Nhu cầu người học	Có	Phân vân	Không
Tỉ lệ %			

5. Mức độ yêu cầu về năng lực của người học

1: Rất không cần thiết; 2: Không cần thiết; 3: Bình thường; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết.

TT	Nội dung	Tỉ lệ mức độ cần thiết %				
		1	2	3	4	5
1	Tính sáng tạo trong công việc					
2	Tư duy phản biện					
3	Năng lực ngoại ngữ					
4	Năng lực công nghệ thông tin					
5	Năng lực kỹ thuật số					
6	Mức độ tự chủ trong công việc					
7	Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp					
8	Kỹ năng giao tiếp (với đồng nghiệp, khách hàng)					
9	Kỹ năng làm việc nhóm					
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
11	Kỹ năng quản lý chất lượng công việc					
12	Tinh thần kỷ luật trong công việc					
13	Tinh thần cầu thị, học hỏi trong công việc					
14	Ý thức phát triển bền vững					
15	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội					
16	Sự cam kết đồng hành đối với Cơ quan/doanh nghiệp					

6. Mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất mà chương trình đào tạo ngành..... trang bị cho người học

1: Rất không cần thiết; 2: Không cần thiết; 3: Bình thường; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

TT	Năng lực, phẩm chất	Tỉ lệ mức độ cần thiết %				
		1	2	3	4	5
1	Nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện					
2	Nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn					
3	Hiểu biết các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội					
4	Kỹ năng thực hành chuyên môn					
5	Kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên môn					
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
7	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành					
8	Kỹ năng làm việc nhóm (phối hợp trong công việc)					
9	Kỹ năng giao tiếp					
10	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ					
11	Tư duy phản biện					
12	Năng lực công nghệ thông tin					
13	Năng lực kỹ thuật số					

TT	Năng lực, phẩm chất	Tỉ lệ mức độ cần thiết %				
		1	2	3	4	5
14	Năng lực đổi mới sáng tạo					
15	Năng lực học tập trọn đời					
16	Tư duy khởi nghiệp					
17	Đạo đức nghề nghiệp					
18	Trách nhiệm xã hội					
19	Ý thức phục vụ cộng đồng					
20	Ý thức phát triển bền vững					

7. Tổng hợp những yêu cầu đặc biệt đối với người học tốt nghiệp từ ngành.....

TT	Tên người/đơn vị thực hiện khảo sát	Ý kiến góp ý

8. Người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo cần lưu ý các điều sau khi xin ứng tuyển vào các vị trí việc làm tại các cơ quan/doanh nghiệp:

TT	Tên người/đơn vị thực hiện khảo sát	Ý kiến góp ý

9. Kết luận:

.....

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Hội đồng KH&ĐT
- PĐT; P TT&ĐBCL.
- Lưu Khoa, VT.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Mẫu 06: Trình tự trình bày đề án mở ngành đào tạo

- Trang bìa

- Trang phụ bìa

- Tờ trình (Văn bản đề xuất mở ngành tự chủ gửi Hội đồng Trường/ Công văn của Trường ĐHCNQN đối với các ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe gửi Bộ GD&ĐT)

- Mục lục

- Danh sách hình - Danh sách bảng

- **Nội dung chính của đề án**

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Trường ĐHCNQN)

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo

2. Lý do mở ngành đào tạo

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

2. Kế hoạch đào tạo

3. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành đào tạo

2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo

2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

3. Giải pháp và phương án xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

- **Phụ lục: Các minh chứng kèm theo đề án**

Mẫu 07. Biên bản kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng (của Hội đồng thẩm định)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....
TRÌNH ĐỘ:.....**

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo....., đã tổ chức kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo, trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần kiểm tra

Hội đồng thẩm định đề án mở ngành:

Stt	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS Nguyễn Văn....			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

II. Nội dung

1. Hội đồng thẩm định đề án mở ngành tiến hành kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo, trình độ theo phiếu tự đánh giá hồ sơ đăng ký mở ngành.

2. Kết quả kiểm tra các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo, trình độ.....

TS....., Hiệu trưởng/Chủ tịch Hội đồng báo cáo, tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, thuyết trình tóm tắt về Kiểm tra điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện ngành với những nội dung sau:

2.1. Về giảng viên

Bảng 1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành.....

Bảng 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành

Bảng 3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành.....

(Lập các bảng theo phụ lục 4 và thêm cột đánh giá đúng hay không đúng với hồ sơ)

2.2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Bảng 4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành do cơ sở đào tạo thực hiện

Bảng 5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo.

(Lập các bảng theo phụ lục 4 và thêm cột đánh giá đúng hay không đúng với hồ sơ)

2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho chương trình đào tạo

Bảng 6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo..... trình độ

Bảng 7. Thư viện

Bảng 8. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành.....

(Lập các bảng theo phụ lục 4 và thêm cột đánh giá đúng hay không đúng với hồ sơ)

Xem xét đánh giá các điều kiện thực tế của Nhà trường trên cơ sở căn cứ vào Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định của pháp luật hiện hành, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện mở ngành và từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm các điều kiện về tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy – học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở. *(Theo phụ lục 4, văn bản này)*

3. Kết luận:

Nhà trường đã đủ điều kiện/ chưa đủ điều kiện để được mở ngành..... trình độ.....

Tất cả thành viên nhất trí thông qua.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu 08. Biên bản thẩm định đề án mở ngành đào tạo (của Hội đồng thẩm định)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO:.....

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:.....

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20....., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ đã tổ chức phiên họp về việc thẩm định đề án mở ngành.....trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

- Hội đồng Thẩm định đề án mở ngành:

Stt	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS.....			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành:

II. Nội dung

1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề án mở ngành tuyên bố lí do tổ chức phiên họp.
2. Đại diện đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành báo cáo tóm tắt nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành.
3. Thư ký Hội đồng thẩm định thông qua biên bản kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo..... trình độ.....
4. Kết luận của Hội đồng thẩm định đề án mở ngành:

Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20.... Tất cả thành viên nhất trí thông qua.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Số: /.....

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO:.....

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:.....

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường đã tổ chức phiên họp về việc thẩm định đề án mở ngành.....trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

- Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường:

Stt	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS.....			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

- Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành:

II. Nội dung

1. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và đào tạo trường tuyên bố lí do tổ chức phiên họp.
2. Đại diện đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành báo cáo tóm tắt nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành.
3. Thư ký Hội đồng Khoa học và đào tạo thông qua biên bản thẩm định đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ
4. Các ý kiến của thành viên Hội đồng khoa học và đào tạo trường:
.....
5. Kết luận của Hội đồng Khoa học và đào tạo trường:
.....

Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20.... Tất cả thành viên nhất trí thông qua.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)